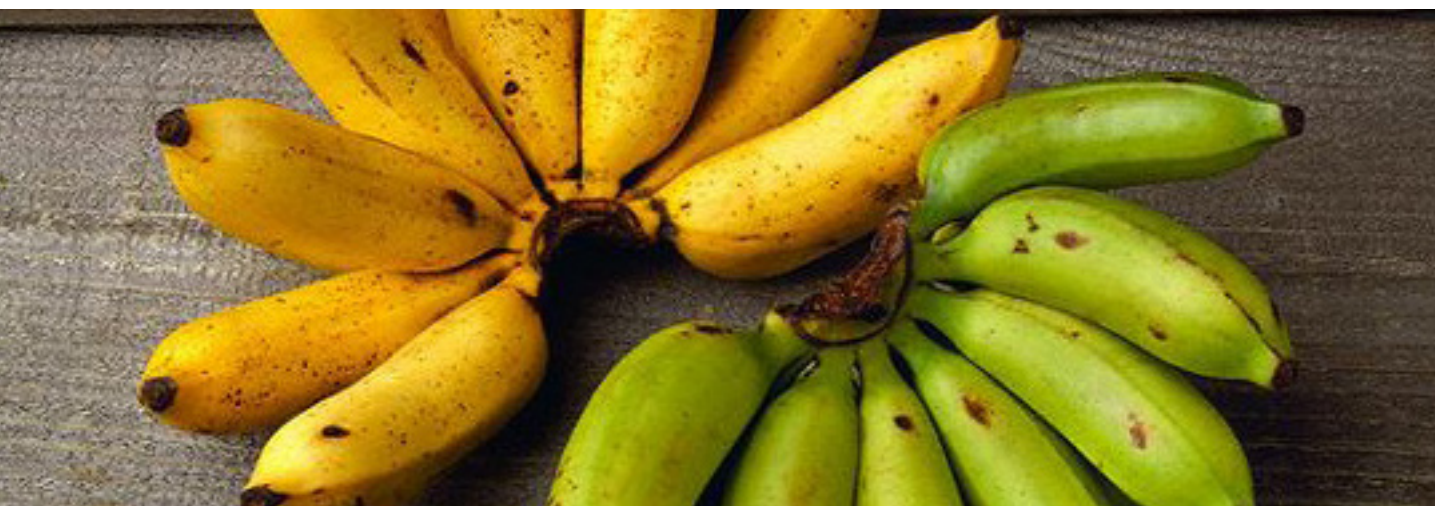


Bản tin

# THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

SỐ RA NGÀY 31/5/2022



# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

## ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,  
Bộ Công Thương  
Tel: 024.22205440;  
Email:  
binhtth@moit.gov.vn;  
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin  
Công nghiệp và Thương mại,  
Bộ Công Thương  
Tel: 024.22192875;  
Email:  
tuoanhbta@gmail.com;  
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ  
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:  
47/GP-XBBT ngày 19/8/2021

## MỤC LỤC

TÌNH HÌNH CHUNG	2
THỊ TRƯỜNG CAO SU	4
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	11
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	16
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	21
THỊ TRƯỜNG THỊT	28
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	34
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	38
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	43



# TÌNH HÌNH CHUNG

---

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ **Cao su:** Giá cao su tại thị trường châu Á nửa cuối tháng 5/2022 phục hồi trở lại sau khi giảm trong nửa đầu tháng.
- ▶ **Cà phê:** Tháng 5/2022, giá cà phê thế giới có xu hướng tăng trở lại khi biện pháp phong tỏa tại Thượng Hải được dỡ bỏ; xuất khẩu cà phê của Bra-xin giảm và các quỹ hàng hóa tăng mua. Theo báo cáo từ CecaFé của Bra-xin cho biết, vụ thu hoạch cà phê Robusta bị chững lại do yếu tố thời tiết không thuận lợi, trong khi đó, nhu cầu cà phê nguyên liệu để sản xuất cà phê hòa tan và rang xay tăng cao.
- ▶ **Hạt điều:** 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều đạt 55,45 triệu USD, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu hạt điều vào thị trường EU trong 2 tháng đầu năm 2022 đạt 34,3 nghìn tấn, trị giá 222,1 triệu EUR (238,47 triệu USD), tăng 5,4% về lượng và tăng 17,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Ngày 27/5/2022, giá xuất khẩu hạt điều thô tại Bê-nanh ổn định ở mức 1.425 USD/tấn; trong khi tại Bờ Biển Ngà, Ga-na và Ni-giê-ri-a, giá xuất khẩu hạt điều thô tăng 75 USD/tấn, lên mức 1.350 USD/tấn.
- ▶ **Rau quả:** Sản lượng xoài của Pa-ki-xtan dự kiến sẽ giảm khoảng 50% trong năm 2022 do vụ mùa bị ảnh hưởng nặng nề bởi nhiệt độ cao bất thường và tình trạng thiếu nước. Sản lượng măng cụt của Thái Lan năm 2022 dự kiến tăng 38% so với năm 2021, đạt 378.400 tấn.
- ▶ **Thịt:** Ngày 29/5/2022, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao tháng 6/2022 giảm 0,8% so với cuối tháng 4/2022 và giảm 6% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Trung Quốc, giá lợn hơi đã phục hồi sau thời gian dài lao dốc. Tuy nhiên thị trường vẫn phải đối mặt với những hạn chế, gồm cả các lệnh phong tỏa chống COVID-19.
- ▶ **Thủy sản:** Doanh thu tiêu thụ thủy sản tươi sống của Hoa Kỳ tháng 4/2022 đạt 493 triệu USD, giảm 11,8% so với tháng 4/2021, do người tiêu dùng lo ngại về lạm phát. Trong khi đó, doanh thu thủy sản đông lạnh tăng 2,8% và thủy sản đóng hộp tăng 9,6% so với tháng 4/2021. Giá cá ngừ vẫn nguyên liệu thô giao cho các nhà máy chế biến tại Thái Lan giảm, trong khi tại Ê-cu-a-đo vẫn ổn định.
- ▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 7,3 tỷ USD, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2021.



## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

▶ Cao su: Trong tháng 5/2022, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước giảm nhẹ so với cuối tháng 4/2022. Theo ước tính, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 5/2022 đạt khoảng 110 nghìn tấn, trị giá 181 triệu USD, tăng 40,4% về lượng và tăng 27,9% về trị giá so với tháng 4/2022. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022 chiếm 15,5%, giảm so với mức 16,6% của 4 tháng đầu năm 2021.

▶ Cà phê: Tháng 5/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước tính đạt 150 nghìn tấn, trị giá 343 triệu USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 40,7% về trị giá so với tháng 5/2021. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Anh tăng từ 14,61% trong quý I/2021 lên 23,18% trong quý I/2022.

▶ Hạt điều: Tháng 5/2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam ước tính đạt 55 nghìn tấn, trị giá 330 triệu USD, tăng 13% về lượng và tăng 13,7% về trị giá so với tháng 4/2022. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Pháp giảm từ 69,31% trong quý I/2021 xuống còn 64,15% trong quý I/2022.

▶ Rau quả: Thị phần nhập khẩu chủng loại hàng rau quả chế biến (mã HS 20) của Việt Nam tăng trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc. 5 tháng đầu năm 2022, trị giá

xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam ước tính đạt 1,47 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2021.

▶ Thịt: Trong tháng 5/2022, giá lợn hơi tại các vùng trên cả nước tăng nhẹ do nhu cầu tiêu thụ thịt và các sản phẩm từ thịt tăng. 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam xuất khẩu được 4,45 nghìn tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá 18,18 triệu USD, giảm 33,1% về lượng và giảm 24,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam nhập khẩu 182,7 nghìn tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 407,47 triệu USD, giảm 22,6% về lượng và giảm 12,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

▶ Thủy sản: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 5/2022 ước tính đạt 230 nghìn tấn, trị giá 1,14 tỷ USD, là mức cao nhất tính theo tháng kể từ trước đến nay, tăng 26,65% về lượng và tăng 44,23% về trị giá so với tháng 5/2021. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc giảm từ 9,8% trong 4 tháng đầu năm 2021 xuống còn 8,8% trong 4 tháng đầu năm 2022.

▶ Gỗ và sản phẩm gỗ: 5 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước tính đạt 7,15 tỷ USD, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam giảm trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản.



## THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Giá cao su tại thị trường châu Á nửa cuối tháng 5/2022 phục hồi trở lại sau khi giảm trong nửa đầu tháng.
- ▶ Trong tháng 5/2022, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước giảm nhẹ so với cuối tháng 4/2022.
- ▶ Theo ước tính, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 5/2022 đạt khoảng 110 nghìn tấn, trị giá 181 triệu USD, tăng 40,4% về lượng và tăng 27,9% về trị giá so với tháng 4/2022.
- ▶ Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022 chiếm 15,5%, giảm so với mức 16,6% của 4 tháng đầu năm 2021.



## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

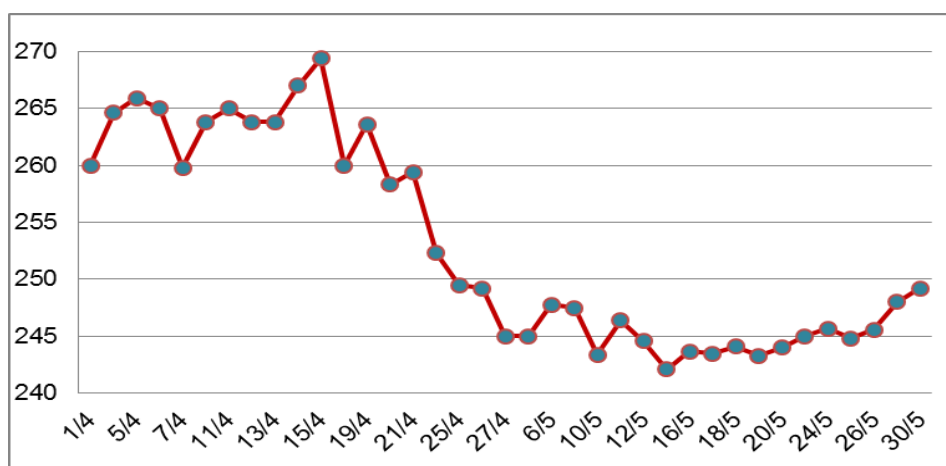
Trong tháng 5/2022, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt châu Á biến động mạnh, giá có xu hướng tăng trở lại kể từ giữa tháng do lo ngại về nguồn cung giảm, nhu cầu tăng, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản, giá cao su giảm xuống mức 242,1 Yên/kg vào ngày

13/5/2022, sau đó giá có xu hướng tăng trở lại. Ngày 30/5/2022, giá cao su RSS3 giao tháng 6/2022 giao dịch ở mức 249,2 Yên/kg (tương đương 1,96 USD/kg), tăng 1,7% so với cuối tháng 4/2022 và tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao su tại Nhật Bản tăng do số liệu dịch vụ doanh nghiệp trong nước làm dấy lên mối lo ngại về lạm phát và triển vọng nhu cầu trong tương lai.



## Diễn biến giá cao su RSS3 giao tại sàn Osaka từ tháng 4/2022 đến nay (ĐVT: Yên/kg)

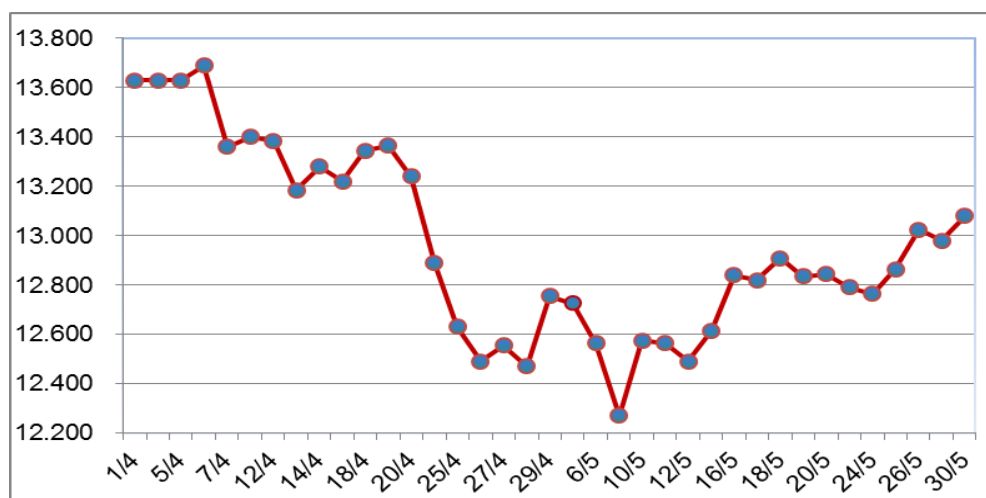


Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su giảm xuống mức thấp nhất 12.270 NDT/tấn vào ngày 09/5/2022, sau đó tăng trở lại tới cuối tháng. Ngày 30/5/2022, giá cao su RSS3 giao tháng 6/2022 ở mức 13.080 NDT/tấn (tương đương 1,95 USD/kg), tăng 2,5% so với cuối tháng 4/2022, nhưng giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao su tại

Thượng Hải tăng trở lại do thị trường lạc quan về việc nhu cầu sẽ được cải thiện trong bối cảnh chính sách phong tỏa chống dịch Covid-19 của Trung Quốc được nới lỏng. Bên cạnh đó, Trung Quốc sẽ mở rộng các khoản giảm thuế, hoãn thanh toán an sinh xã hội và hoàn trả các khoản vay, triển khai các dự án đầu tư mới và thực hiện các bước khác để hỗ trợ nền kinh tế.

## Diễn biến giá cao su tại sàn SHFE từ tháng 4/2022 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)

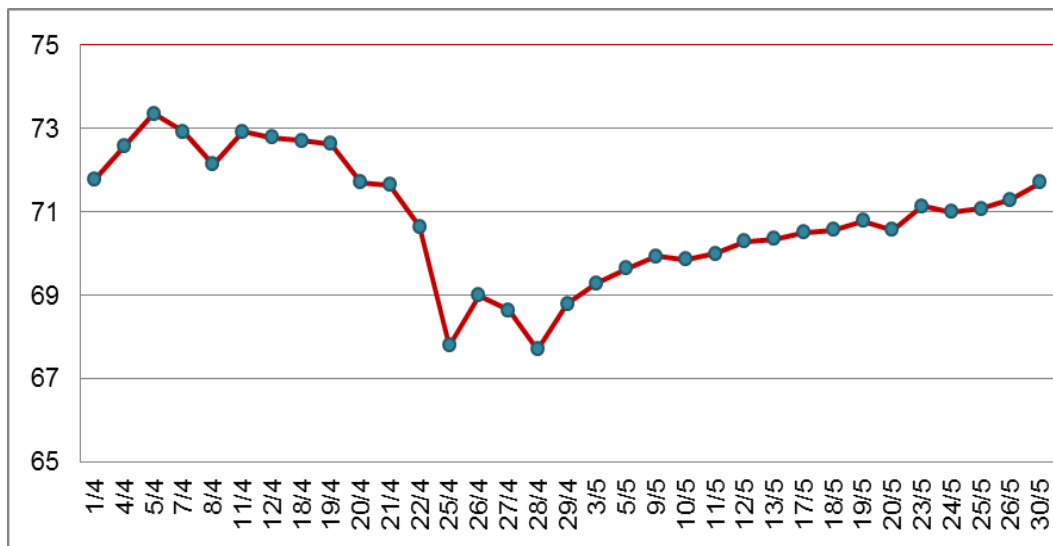


Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá có xu hướng tăng so với cuối tháng 4/2022. Ngày 30/5/2022, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 71,71 Baht/kg

(tương đương 2,1 USD/kg), tăng 4,2% so với cuối tháng 4/2022 và tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2021.

**Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ tháng 4/2022 đến nay**  
(ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 5/2022, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước giảm nhẹ so với cuối tháng 4/2022. Tại Bình Phước, mủ cao su nguyên liệu được Công ty cao su Phú Riềng thu mua ở mức từ 305-345 đồng/TCS. Tại Bình Dương, giá thu mua mủ cao

su nguyên liệu của Công ty cao su Phước Hòa dao động ở mức 340 đồng/TSC. Giá mủ cao su tại Gia Lai được Công ty cao su Mang Yang thu mua với giá 305-315 đồng/TSC, giảm nhẹ so với cuối tháng 4/2022.



## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 5/2022 đạt khoảng 110 nghìn tấn, trị giá 181 triệu USD, tăng 40,4% về lượng và tăng 27,9% về trị giá so với tháng 4/2022; so với tháng 5/2021 tăng 33,1% về lượng và tăng 26,4% về trị giá. Giá cao su xuất khẩu bình quân trong tháng 5/2022 đạt 1.645 USD/tấn, giảm 8,9% so với tháng 4/2022 và giảm 5% so với tháng 5/2021. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cao su đạt khoảng 595 nghìn tấn, trị giá 1,04 tỷ USD, tăng 8,1% về lượng và tăng 12% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 4 tháng đầu năm 2022, các chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu vẫn là hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280), SVR3L, SVR10, Latex, RSS3, SVRCV60... Trong đó, hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280) là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 60,1% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, với 291,83 nghìn tấn, trị

giá 508,25 triệu USD, tăng 2,3% về lượng và tăng 10,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm tới 99,7% tổng lượng hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp xuất khẩu của cả nước, với 209,88 nghìn tấn, trị giá 505,99 triệu USD, tăng 13,6% về lượng và tăng 23,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhìn chung trong 4 tháng đầu năm 2022, nhiều chủng loại cao su xuất khẩu đều tăng mạnh cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2021, trong đó đáng chú ý như: Cao su tổng hợp, cao su hỗn hợp (HS: 4005), SVR20, Skim block, SVR10, RSS3... tuy nhiên các chủng loại này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam.

Về giá xuất khẩu: Trong 4 tháng đầu năm 2022, giá xuất khẩu bình quân một số chủng loại cao su có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó đáng chú ý như: SVR10, cao su tổng hợp, SVR20, SVR5...

### Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	4 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK bình quân (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280)	291.832	508.258	1.742	2,3	10,6	8,1
SVR 3L	43.770	83.382	1.905	2,1	-0,9	-2,9
SVR 10	42.586	77.009	1.808	3,2	12,2	8,7
Latex	39.233	51.970	1.325	1,3	-0,2	-1,5
RSS3	20.538	40.429	1.969	8,4	4,1	-3,9
SVR CV60	19.372	38.278	1.976	-8,8	-13,4	-5
Cao su tổng hợp	9.149	23.371	2.554	394	533,2	28,2
SVR CV50	6.355	12.605	1.984	-2,4	-6,6	-4,3
SVR 20	5.630	9.841	1.748	56	65,3	5,9
Cao su tái sinh	2.257	1.646	729	-8,7	-9,4	-0,7
RSS1	2.139	4.372	2.044	-36,5	-41	-7,1



Chủng loại	4 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK bình quân (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Cao su hỗn hợp (HS: 4005)	1.234	3.415	2.767	68,1	57,9	-6,1
SVR 5	669	1.318	1.970	-29,4	-22,5	9,8
Skim block	219	310	1.418	64,7	66,6	1,2
SVR CV40	50	103	2.052	-58,7	-58,1	1,4
Cao su dạng Crếp	31	186	6.003	-88,4	-30,1	504,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của Trung Quốc đạt 4,65 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2021. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản và Hàn Quốc là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc. Trong thời gian này, Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu cao su từ một số thị trường như: Thái Lan, Việt Nam, Nhật Bản, Lào, Mi-an-ma, Bờ Biển Ngà...

Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 721,51 triệu USD, tăng 2,2%

so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022 chiếm 15,5%, giảm so với mức 16,6% của 4 tháng đầu năm 2021.

Mỗi tháng Trung Quốc tiêu thụ khoảng 500.000 tấn cao su tự nhiên, trong khi nguồn cung nội địa chỉ đáp ứng được khoảng 115.000 tấn. Do vậy, nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc khá lớn. Tuy nhiên, tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng do chính sách "Zero COVID" của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến tiêu thụ cao su của Trung Quốc trong năm 2022.

### 10 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc trong tháng 4/2022 và 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng	So với tháng	4 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
						4 tháng đầu năm 2021	4 tháng đầu năm 2022
Tổng	1.063.448	-17,9	-2,5	4.650.025	9,5	100	100
Thái Lan	365.892	-20,3	-18,8	1.626.153	12,1	34,2	35,0
Việt Nam	99.739	-37,5	0,8	721.510	2,2	16,6	15,5
Ma-lai-xi-a	105.274	-14,0	-22,1	421.861	-11,9	11,3	9,1

Thị trường	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng	So với tháng	4 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
						4 tháng đầu năm 2021	4 tháng đầu năm 2022
Nhật Bản	56.444	-28,1	-19,3	266.777	6,4	5,9	5,7
Hàn Quốc	62.212	-10,4	-22,2	244.339	-19,2	7,1	5,3
Mi-an-ma	68.588	44,2	249,0	191.549	82,3	2,5	4,1
Bờ Biển Ngà	28.304	-52,7	27,5	169.004	60,9	2,5	3,6
In-đô-nê-xi-a	42.460	12,3	1,4	157.831	-3,3	3,8	3,4
Lào	48.543	-6,2		156.997	1.402,7	0,2	3,4
Nga	37.252	19,1	58,7	112.000	11,1	2,4	2,4
Thị trường khác	148.741	-16,5	1,0	582.004	1,6	13,5	12,5

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

### Về chủng loại nhập khẩu

Trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS: 4001) của Trung Quốc đạt 1,5 tỷ USD, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ các thị trường như: Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Ma-lai-xi-a, Lào, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma và Việt Nam.

Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 7 cho Trung Quốc với 70,65 triệu USD, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2021. Thị

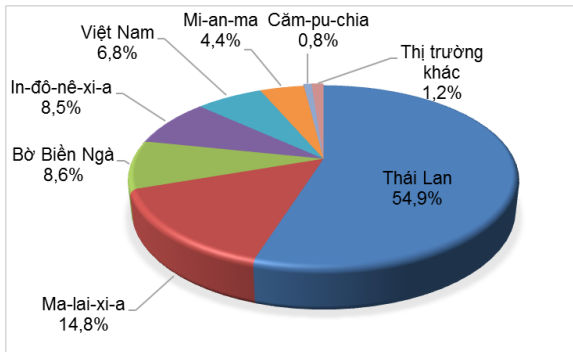
phần cao su tự nhiên của Việt Nam chiếm 4,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc, giảm so với mức 6,8% của 4 tháng đầu năm 2021.

Trong khi đó, Trung Quốc vẫn đẩy mạnh nhập khẩu cao su tự nhiên từ các thị trường như Thái Lan, Bờ Biển Ngà, In-đô-nê-xi-a, Lào, Mi-an-ma, Phi-lip-pin... Trong đó, kim ngạch nhập khẩu cao su tự nhiên từ Lào tăng mạnh nhất, tăng tới 10.621% so với cùng kỳ năm 2021.

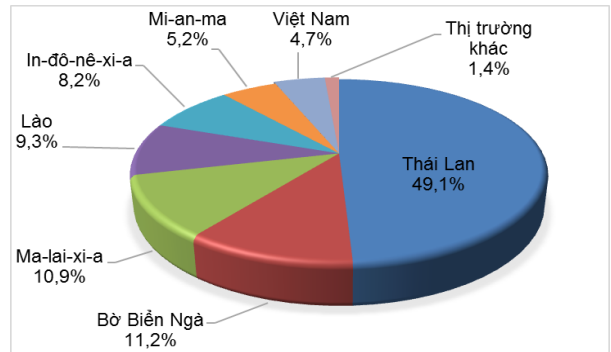


**Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên (mã HS: 4001) cho Trung Quốc**  
(% tính theo trị giá)

4 tháng đầu năm 2021



4 tháng đầu năm 2022



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS: 400280) của Trung Quốc đạt 1,87 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2021. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma và Lào là 5 thị trường lớn nhất cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp cho Trung Quốc.

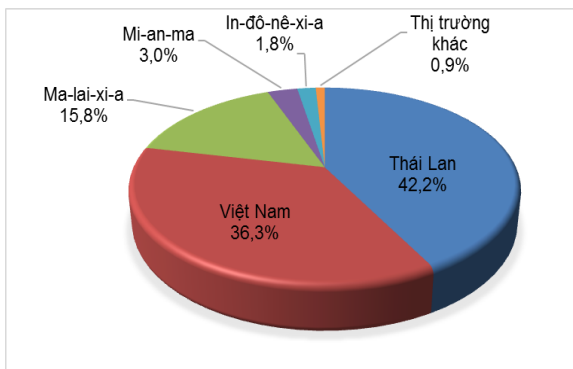
cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Việt Nam chiếm 34,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Trung Quốc, giảm so với mức 36,3% trong 4 tháng đầu năm 2021.

Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp lớn thứ hai cho Trung Quốc với 645,41 triệu USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần hỗn hợp

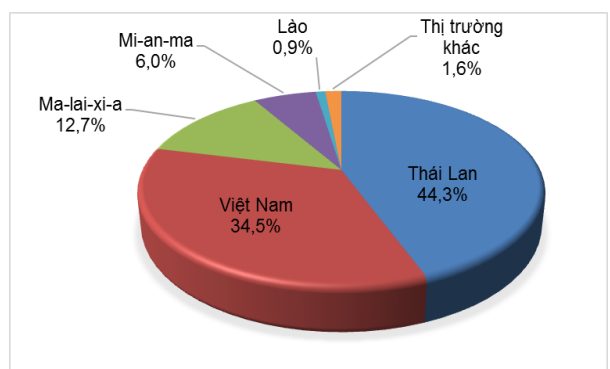
Trong thời gian này, Trung Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp từ các thị trường như: Thái Lan, Mi-an-ma, Lào, Căm-pu-chia, Phi-líp-pin; trong khi giảm nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a... so với cùng kỳ năm 2021.

**Cơ cấu thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp cho Trung Quốc** (% tính theo trị giá)

4 tháng đầu năm 2021



4 tháng đầu năm 2022



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc



# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Tháng 5/2022, giá cà phê thế giới có xu hướng tăng trở lại khi lệnh phong tỏa tại Thượng Hải được dỡ bỏ; xuất khẩu cà phê của Bra-xin giảm và các quỹ hàng hóa tăng mua.
- ▶ Theo báo cáo từ Cecafo của Bra-xin cho biết, vụ thu hoạch cà phê Robusta bị chững lại do yếu tố thời tiết không thuận lợi, trong khi đó, nhu cầu cà phê nguyên liệu để sản xuất cà phê hòa tan và rang xay tăng cao.
- ▶ Theo ước tính, tháng 5/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 150 nghìn tấn, trị giá 343 triệu USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 40,7% về trị giá so với tháng 5/2021.
- ▶ Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Anh tăng từ 14,61% trong quý I/2021 lên 23,18% trong quý I/2022.



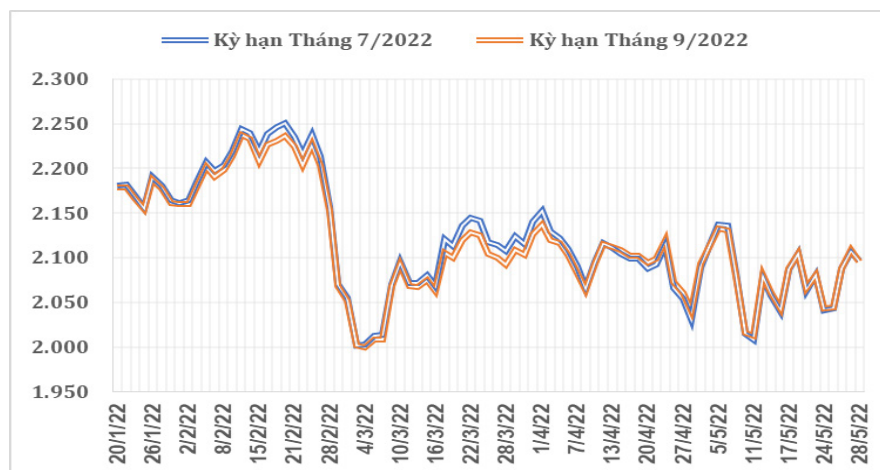
## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Tháng 5/2022, giá cà phê thế giới có xu hướng tăng trở lại. Thị trường xuất hiện một số thông tin tích cực như: (1) Thượng Hải, cảng biển giao thương hàng hóa sầm uất nhất thế giới, được dỡ bỏ lệnh phong tỏa, giúp thị trường hàng hóa toàn cầu được lưu thông thuận tiện hơn; (2) Đồng Real tăng lên mức cao 5 tuần so với đồng USD đã hạn chế người trồng cà phê Bra-xin bán hàng vụ mới. Số liệu thống kê cho thấy, trong 4 tháng đầu năm 2022, Bra-xin xuất khẩu 14,1 triệu bao

cà phê loại 60 kg, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm 2021; (3) Các quỹ hàng hóa tăng mua góp phần đẩy giá cà phê giao kỳ hạn tăng lên mức cao nhất 6 tuần.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 28/5/2022, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 7/2022 và tháng 9/2022 tăng lần lượt 0,4% và 0,1% so với ngày 29/4/2022, lên mức 2.097 USD/tấn và 2.096 USD/tấn.

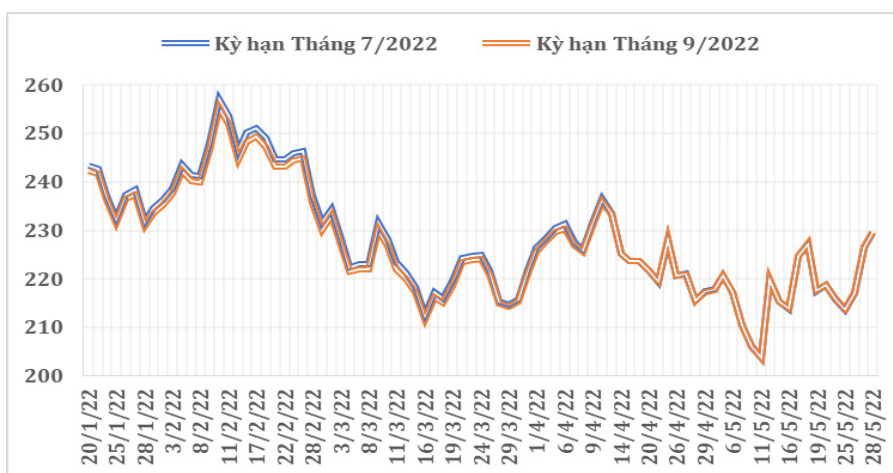
## Diễn biến giá cà phê robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 28/5/2022 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 7/2022 tăng 5,4% so với ngày 29/4/2022, lên mức 229,45 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 9/2022 và tháng 12/2022 cùng tăng 5,7% so với ngày 29/4/2022 lên mức 229,7 Uscent/lb và 229,05 Uscent/lb.

## Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 28/5/2022 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 7/2022, tháng 9/2022 và tháng 12/2022 tăng lần lượt 5,8%, 4,7% và 5,5% so với ngày 29/4/2022, lên mức 285,5 Uscent/lb, 283,1 Uscent/lb và 284,05 Uscent/lb.

+ Tại cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức giá 2.152 USD/tấn, chênh lệch +55 USD/tấn, tăng 8 USD/tấn (tương đương mức tăng 0,4%) so với ngày 29/4/2022.

Dự báo giá cà phê thế giới sẽ tiếp tục xu hướng tăng trong thời gian tới. Nguồn cung cấp cà phê Arabica chế biến ướt chất lượng cao cho sàn New York chủ yếu từ khối sản xuất Mê-hi-cô – khu vực Trung Mỹ dường như đã cạn kiệt do việc đẩy mạnh xuất khẩu trong giai đoạn giá cao từ đầu năm, cũng như việc vận chuyển và giao hàng thuận lợi hơn từ các nguồn gốc xuất xứ khác. Ước tính khối sản xuất này cung cấp cà phê

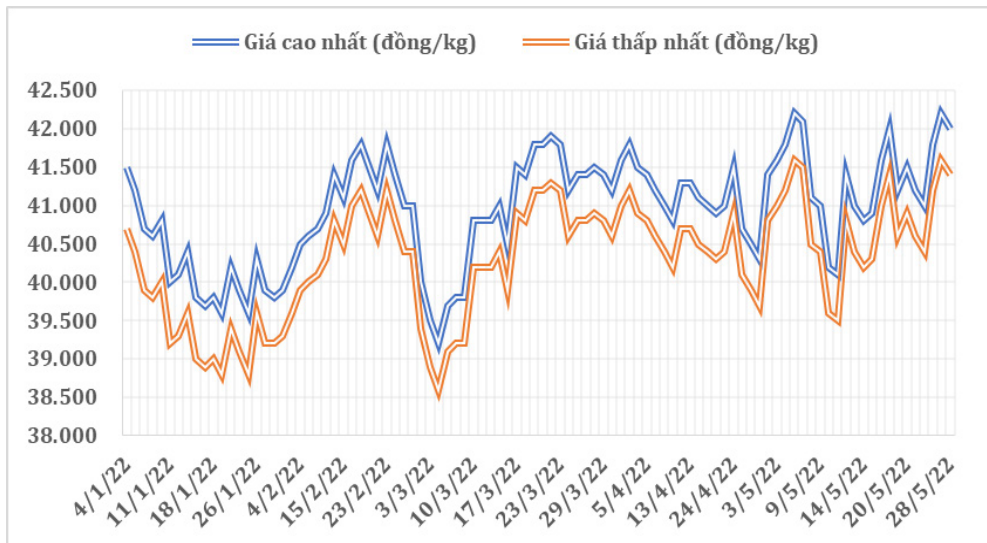
Arabica chế biến ướt chất lượng cao cho thị trường tiêu thụ toàn cầu xấp xỉ 18 triệu bao mỗi năm. Theo báo cáo từ Cecafo của Brazil cho biết, vụ thu hoạch cà phê Robusta bị chững lại do yếu tố thời tiết không thuận lợi, trong khi đó, nhu cầu cà phê nguyên liệu để sản xuất cà phê hòa tan và rang xay cũng tăng cao, có khả năng lên tới 22,5 triệu bao trong năm nay.

## TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ TĂNG 600 ĐỒNG/KG

Tháng 5/2022, giá cà phê Robusta nội địa có xu hướng phục hồi theo giá thế giới. Ngày 28/5/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng 600 đồng/kg so với ngày

29/4/2022, lên mức 42.000 đồng/kg tại tỉnh Đắk Lắk; 41.400 đồng/kg tỉnh Lâm Đồng; 41.900 đồng/kg tại các tỉnh Gia Lai và Đắk Nông.

### Diễn biến giá cà phê Robusta trong nước từ đầu năm 2022 đến nay



Nguồn: Tintaynguyen.com





## THÁNG 5/2022, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021

Theo ước tính, tháng 5/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 150 nghìn tấn, trị giá 343 triệu USD, giảm 4,7% về lượng và giảm 5,4% về trị giá so với tháng 4/2022, so với tháng 5/2021 tăng 15,2% về lượng và tăng 40,7% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 889 nghìn tấn, trị giá trên 2 tỷ USD, tăng 24,2% về lượng và tăng 54% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tháng 5/2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước tính đạt mức 2.248 USD/tấn, giảm 0,8% so với tháng 4/2022, nhưng tăng 22,1% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt mức 2.251 USD/tấn, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2021.

Về chủng loại: Tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hầu hết các chủng loại cà phê tăng so với cùng kỳ năm 2021, ngoại trừ cà phê Excelsa.

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Robusta tháng 4/2022 đạt 137,62 nghìn tấn, trị giá 269,38 triệu USD, tăng 20,2% về lượng và tăng 49,4% về trị giá so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cà phê Robusta đạt 667 nghìn tấn, trị giá 1,32 tỷ USD, tăng 30,5% về lượng và tăng 65,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Việt Nam tăng xuất khẩu cà phê Robusta sang hầu hết các thị trường truyền thống, gồm: Đức, Bỉ, Ý, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ, Anh, Nga, Hà Lan...

### Chủng loại cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	Tháng 4/2022		So với tháng 4/2021 (%)		4 tháng năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Robusta	137.623	269.381	20,2	49,4		1.321.589	30,5	65,6
Arabica	8.019	36.794	31,0	111,4	28.890	131.032	2,7	73,0
Cà phê Excelsa	239	599	-4,2	32,6	334	823	-28,7	-1,0
Cà phê chế biến		55.485		14,8		205.584		13,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA ANH QUÝ I NĂM 2022 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo ITC, quý I/2022, Anh nhập khẩu cà phê đạt xấp xỉ 64,31 nghìn tấn, trị giá 353,46 triệu USD, tăng 32,8% về lượng và tăng 72,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Anh nhập khẩu chủ yếu chủng loại cà phê HS 090111 (trừ cà phê rang xay và loại bỏ caphêin) và cà phê rang (không bao

gồm cà phê đã khử caphêin), tỷ trọng chiếm lần lượt 73,59% và 20,93% trong tổng lượng nhập khẩu quý I/2022, tốc độ tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2021. Đáng chú ý, Anh tăng mạnh nhập khẩu chủng loại cà phê đã khử caphêin (không bao gồm rang – HS 090112), tốc độ tăng tới 101,9%.

## Chủng loại cà phê nhập khẩu của Anh trong quý I/2022

Mã HS	Quý I/2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Quý I/2022	Quý I/2021
090111	47.324	186.305	21,0	66,4	73,59	75,17
090121	13.458	145.573	23,0	49,9	20,93	21,03
090112	2.741	12.900	101,9	150,5	4,26	2,61
090122	599	7.607	13,4	9,7	0,93	1,02
090190	187	1.072	104,8	39,0	0,29	0,18

Nguồn: ITC

Quý I/2022, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Anh đạt mức 5.496 USD/tấn, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Anh từ tất cả các nguồn cung cấp chính tăng mạnh: Mức tăng cao nhất 93% từ Đức, lên 10.157 USD/tấn; mức tăng thấp nhất 35,1% từ Việt Nam, lên 2.372 USD/tấn.

## 5 thị trường cung cấp cà phê lớn nhất cho Anh trong quý I/2022

Thị trường	Quý I/2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	64.308	353.457	5.496	32,8	72,6	29,9
Việt Nam	14.905	35.362	2.372	110,6	184,6	35,1
Bra-xin	14.661	62.529	4.265	16,9	105,9	76,1
Đức	4.357	44.257	10.157	169,1	419,5	93,0
Cô-lôm-bi-a	4.322	26.269	6.078	33,9	90,8	42,5
In-đô-nê-xi-a	3.544	10.946	3.088	-37,5	3,0	64,9
Thị trường khác	22.518	174.094	7.731	23,2	34,9	9,5

Nguồn: ITC

### Về cơ cấu nguồn cung

Quý I/2022, Anh tăng mạnh nhập khẩu cà phê từ hầu hết các nguồn cung chính, ngoại trừ In-đô-nê-xi-a. Số liệu thống kê từ ITC cho thấy:

Nhập khẩu cà phê của Anh từ Việt Nam trong quý I/2022 đạt 14,9 nghìn tấn, trị giá 35,36 triệu USD, tăng 110,6% về lượng và tăng 184,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cà phê của Việt Nam trong

tổng lượng nhập khẩu của Anh tăng từ 14,61% trong quý I/2021 lên 23,18% trong quý I/2022.

Anh nhập khẩu cà phê từ Bra-xin trong quý I/2022 đạt 14,66 nghìn tấn, trị giá 62,53 triệu USD, tăng 16,9% về lượng và tăng 105,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cà phê của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Anh giảm từ 25,9% trong quý I/2021 xuống 22,8% trong quý I/2022.

# THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều đạt 55,45 triệu USD, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ 2 tháng đầu năm 2022, Liên minh châu Âu nhập khẩu hạt điều đạt 34,3 nghìn tấn, trị giá 222,1 triệu EUR (238,47 triệu USD), tăng 5,4% về lượng và tăng 17,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Ngày 27/5/2022, giá xuất khẩu hạt điều thô tại Bê-nanh ổn định ở mức 1.425 USD/tấn; Tại Bờ Biển Ngà, Ga-na và Ni-giê-ri-a, giá xuất khẩu hạt điều thô tăng 75 USD/tấn, lên mức 1.350 USD/tấn.
- ▶ Tháng 5/2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam ước tính đạt 55 nghìn tấn, trị giá 330 triệu USD, tăng 13% về lượng và tăng 13,7% về trị giá so với tháng 4/2022.
- ▶ Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Pháp giảm từ 69,31% trong quý I/2021 xuống còn 64,15% trong quý I/2022.

## THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

- Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 4/2022, nhập khẩu hạt điều của nước này tăng mạnh, đạt 21,56 triệu USD, tăng 112,6% so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều đạt 55,45 triệu USD, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Việt Nam là nguồn cung hạt điều lớn nhất cho Trung Quốc, kim ngạch đạt 19,71 triệu USD trong tháng 4/2022, tăng 96,2% so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt 45,57 triệu USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 96,52% trong 4 tháng đầu năm 2021 xuống 82,16% trong 4 tháng đầu năm 2022.

Đáng chú ý, Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu hạt điều từ Mi-an-ma, tháng 4/2022, kim ngạch nhập khẩu đạt 1,72 triệu USD; lũy kế 4 tháng đầu năm nay đạt 7,99 triệu USD. Thị phần hạt điều của Mi-an-ma chiếm



14,41% tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm nay.

Như vậy có thể thấy, ngành hạt điều Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh khá gay gắt từ Mi-an-ma tại thị trường Trung Quốc.



## Nguồn cung hạt điều cho Trung Quốc tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Thị phần theo trị giá (%)	
					4 tháng năm 2022	4 tháng năm 2021
Tổng	21.562	112,6	55.464	42,5	100,00	100,00
Việt Nam	19.713	96,2	45.569	21,3	82,16	96,52
Mi-an-ma	1.718		7.992		14,41	0,00
Bờ Biển Ngà	76	33.091,7	1.760	1.866,9	3,17	0,23
Căm-pu-chia	46		75	-11,8	0,14	0,22
Ni-giê-ri-a	-	-100,0	45	-60,5	0,08	0,29
Ma-đa-gat-xca	-		15		0,03	0,00
Thái Lan	9		9	127.157,1	0,02	0,00

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

(\*) Ghi chú HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ; HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

- Theo ITC, quý I/2022, Nam Phi nhập khẩu hạt điều (HS 080132) đạt xấp xỉ 658 tấn, trị giá 4,6 triệu USD, tăng 53,3% về lượng và tăng 66,6% về trị giá so với quý I/2021. Trong đó, Nam Phi nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt 235,6 tấn, trị giá 1,7 triệu USD, tăng 0,3% về lượng và tăng 24,7% về trị giá. Đáng chú ý, Nam Phi tăng mạnh nhập khẩu hạt điều từ Bờ Biển Ngà, tốc độ tăng 659,3% về lượng và tăng 932,4% về trị giá, đạt 127,4 tấn, trị giá 702 nghìn USD.

- Theo Cơ quan Thống kê châu Âu, 2 tháng đầu năm 2022, Liên minh châu Âu nhập khẩu hạt điều đạt 34,3 nghìn tấn, trị giá 222,1 triệu EUR (238,47 triệu USD), tăng 5,4% về lượng và tăng 17,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Hà Lan nhập khẩu hạt điều đạt 9,75 nghìn tấn, trị giá 62,81 triệu EUR (67,43 triệu USD), giảm 3,5% về lượng, nhưng tăng 11,2% về trị giá. Ngược lại, Ý tăng mạnh nhập khẩu hạt điều, mức tăng 24% về lượng và tăng 59,7% về trị giá, đạt 2,82 nghìn tấn, trị giá 15,1 triệu EUR (16,21 triệu USD).

- Ngày 27/5/2022, giá xuất khẩu hạt điều thô tại Bờ Biển Ngà ổn định ở mức 1.425 USD/tấn. Còn tại Bờ Biển Ngà, Ga-na và Ni-giê-ri-a, giá xuất khẩu hạt điều thô tăng 75 USD/tấn, lên mức 1.350 USD/tấn.



## XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU THÁNG 5/2022 TĂNG

Theo ước tính, tháng 5/2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 55 nghìn tấn, trị giá 330 triệu USD, tăng 13% về lượng và tăng 13,7% về trị giá so với tháng 4/2022, so với tháng 5/2021 tăng 3,2% về lượng và tăng 0,8% về trị giá. Tuy nhiên, tính chung 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam giảm 3,2% về lượng và 2,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, ước tính đạt 208 nghìn tấn, trị giá 1,24 tỷ USD.

Tháng 5/2022, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam ước đạt mức 6.000 USD/tấn, tăng 0,6% so với tháng 4/2022, nhưng giảm 2,3% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam ước đạt mức 5.968 USD/tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2021.

### Về chủng loại

Tháng 4/2022 so với tháng 4/2021, xuất khẩu hạt điều W320, W180, W450, SP tăng trưởng khả quan, nhưng xuất khẩu hạt điều

W240, DW giảm cả về lượng và trị giá. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều W320, W40, W450, DW giảm cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2021, trong khi xuất khẩu hạt điều W180, WS/WB, SP tăng. Cụ thể như sau:

Xuất khẩu hạt điều W320 của Việt Nam trong tháng 4/2022 đạt 20,74 nghìn tấn, trị giá 130,65 triệu USD, tăng 5,5% về lượng và tăng 0,2% về trị giá so với tháng 4/2021. Tuy nhiên, tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều W320 giảm 3,4% về lượng và giảm 2,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 63,42 nghìn tấn, trị giá 413,36 triệu USD.

Trong tháng 4/2022, xuất khẩu hạt điều W240 của Việt Nam giảm 13,8% về lượng và giảm 15,1% về trị giá so với tháng 4/2021, đạt 6,84 nghìn tấn, trị giá 48,16 triệu USD. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều W240 giảm 4,2% về lượng và giảm 10,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 22,9 nghìn tấn, trị giá 156,28 triệu USD.

### Chủng loại hạt điều xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	Tháng 4/2022		So với tháng 4/2021 (%)		4 tháng năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
W320	20.744	130.653	5,5	0,2	63.422	413.365	-3,4	-2,4
W240	6.844	48.163	-13,8	-15,1	22.905	156.279	-4,2	-10,5
W180	2.816	21.501	66,0	45,6	5.900	47.740	22,0	13,2
WS/WB	2.742	13.725	-0,3	26,8	9.890	50.157	12,1	37,2
LP	1.879	8.960	-2,8	46,3	6.542	31.894	-6,0	40,4
W450	1.089	7.018	10,8	9,6	3.478	24.166	-7,5	-7,9
SP	580	2.381	8,8	93,0	2.163	8.272	12,1	84,6
DW	473	3.424	-41,6	-33,9	1.160	9.382	-61,8	-49,8
W210	433	3.232	14,1	-1,9	1.161	9.199	13,3	6,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

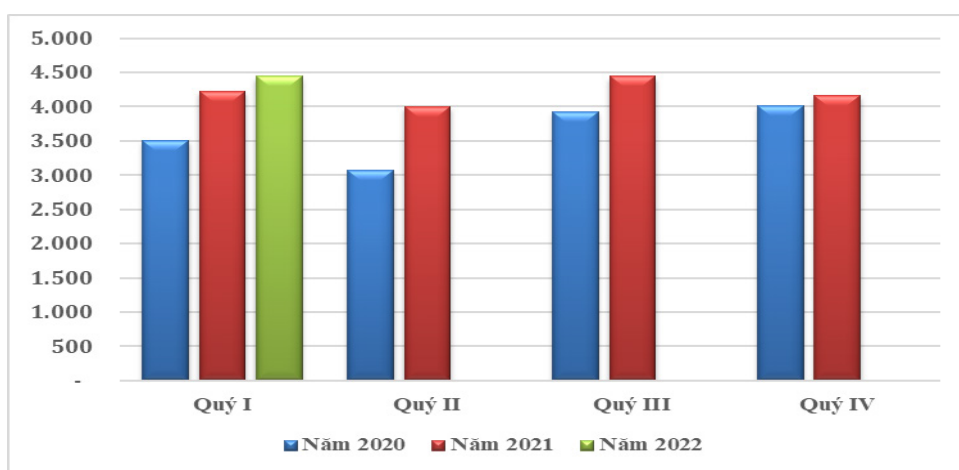


## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA PHÁP TRONG QUÝ I/2022 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ ITC, quý I/2022, trị giá 34 triệu USD, tăng 5,1% về lượng và Pháp nhập khẩu hạt điều đạt 4,44 nghìn tấn, tăng 3,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

### Pháp nhập khẩu hạt điều qua các quý giai đoạn 2020 – 2022

(ĐVT: tấn)



Nguồn: ITC

(\*) Ghi chú: HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

Quý I/2022, giá nhập khẩu bình quân hạt điều vào thị trường Pháp đạt mức 7.651 USD/tấn, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm

2021. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Pháp giảm từ Ấn Độ, Hà Lan, nhưng tăng từ Việt Nam, Bờ Biển Ngà, Bra-xin.

## 5 thị trường cung cấp hạt điều lớn nhất cho Pháp trong quý I/2022

Thị trường	Quý I/2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	4.445	34.008	7.651	5,1	3,1	-1,9
Việt Nam	2.851	21.510	7.544	-2,7	-2,2	0,5
Ấn Độ	465	4.031	8.670	11,4	3,3	-7,3
Bờ Biển Ngà	408	2.903	7.123	2.720,4	6.351,1	128,7
Hà Lan	187	1.621	8.649	-51,8	-54,8	-6,2
Bra-xin	160	853	5.333	-11,4	-7,2	4,7
Thị trường khác	374	3.090	8.268	26,0	21,4	-3,6

Nguồn: ITC

Quý I/2022, Pháp giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, Hà Lan, Bra-xin, nhưng tăng nhập khẩu từ Ấn Độ, Bờ Biển Ngà. Số liệu thống kê của ITC cho thấy:

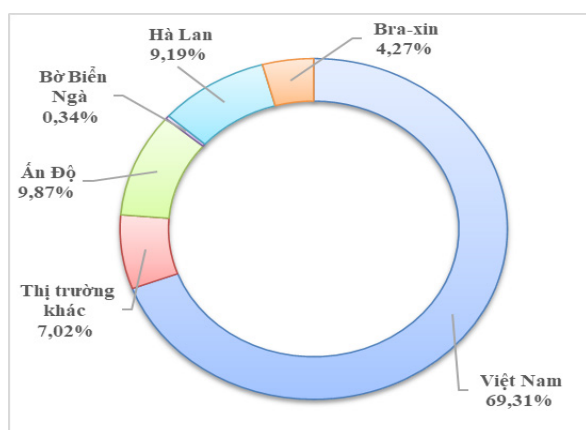
Pháp nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam trong quý I/2022 đạt 2,85 nghìn tấn, trị giá 21,51 triệu USD, giảm 2,7% về lượng và giảm 2,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Pháp giảm từ 69,31%

trong quý I/2021 xuống còn 64,15% trong quý I/2022.

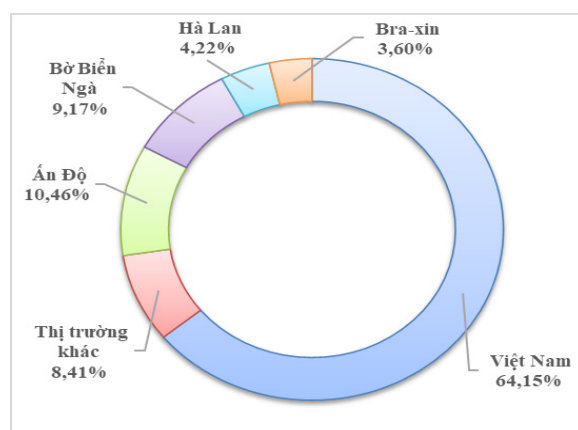
Ngược lại, Pháp tăng mạnh nhập khẩu hạt điều từ Bờ Biển Ngà trong quý I/2022, mức tăng 2.720,4% về lượng và tăng 6.351,1% về trị giá so với quý I/2021, đạt 408 tấn, trị giá 2,9 triệu USD. Thị phần hạt điều của Bờ Biển Ngà trong tổng lượng nhập khẩu của Pháp tăng mạnh từ 0,34% trong quý I/2021 lên 9,17% trong quý I/2022.

### Cơ cấu thị trường cung cấp hạt điều cho Pháp (% tính theo lượng)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: ITC



# THỊ TRƯỜNG RAU HOA QUẢ

- ▶ Sản lượng xoài của Pa-ki-xtan dự kiến sẽ giảm khoảng 50% trong năm 2022 do vụ mùa bị ảnh hưởng nặng nề bởi nhiệt độ cao bất thường và tình trạng thiếu nước.
- ▶ Sản lượng măng cụt của Thái Lan năm 2022 dự kiến tăng 38% so với năm 2021, đạt 378.400 tấn.
- ▶ Thị phần nhập khẩu chủng loại hàng rau quả chế biến (mã HS 20) của Việt Nam tăng trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc.
- ▶ 5 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam ước tính đạt 1,47 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2021.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Pa-ki-xtan: Theo nguồn Reuters, sản lượng xoài của Pa-ki-xtan dự kiến sẽ giảm khoảng 50% trong năm 2022 do vụ mùa bị ảnh hưởng nặng nề bởi nhiệt độ cao bất thường và tình trạng thiếu nước.

Pa-ki-xtan đã chứng kiến một đợt nắng nóng khắc nghiệt trong tháng 5/2022, với nhiệt độ ở miền Nam vượt qua 50°C (122°F). Đợt nắng nóng đã ảnh hưởng rất lớn đến vụ mùa vì nhiệt độ vào tháng 3/2022 là 28, 29°C - nhưng đột ngột lên tới 42°. Nắng nóng vào thời điểm cây xoài ra hoa đã ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng, đồng thời báo hiệu Pa-ki-xtan đang đối mặt với việc sản lượng xoài giảm 50% trong năm 2022. Mặc dù nắng nóng làm chín trái vàng mọng nước, nhưng nhiệt độ tăng sớm không đúng thời điểm, cùng với tình trạng thiếu nước, đã ảnh hưởng xấu đến cây trồng.

Pakistan là nhà sản xuất xoài lớn thứ 5 thế

giới sau Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. Sản lượng xoài trung bình của Pa-ki-xtan là gần 1,8 triệu tấn mỗi năm, nhưng có khả năng chỉ đạt một nửa trong năm 2022, theo đó hiệp hội các nhà xuất khẩu, nhập khẩu và buôn bán rau quả Pa-ki-xtan đã cắt giảm mục tiêu xuất khẩu 25.000 tấn so với năm 2022 xuống còn 125.000 tấn.



Thái Lan: Dẫn nguồn producereport.com, theo dự báo từ Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan, sản lượng măng cụt của nước này dự kiến đạt 378.400 tấn vào năm 2022, tăng 38% so với năm 2021.

Các tỉnh Chanthaburi, Rayong và Trat là những vùng sản xuất trái cây trọng điểm của miền Đông Thái Lan và đây cũng là những vùng trồng măng cụt chính của nước này. Các tỉnh này được dự đoán sẽ đạt sản lượng măng cụt tăng mạnh trong năm 2022. Ngoài măng cụt, sản lượng các loại trái cây khác trong vùng cũng tăng. Tổng sản lượng sầu riêng, măng cụt, chôm chôm và nhãn ở miền Đông Thái Lan năm 2022 dự kiến đạt 1,14 triệu tấn, tăng 27% so với năm 2021.

Với vị thế của Thái Lan là nhà cung cấp trái cây tươi lớn nhất của Trung Quốc, nhiều nhà sản xuất trái cây Thái Lan có phần phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Mặc dù sản lượng trái cây tăng đáng kể, nhưng thời gian qua nhiều lô hàng trái cây Thái Lan đã bị mắc kẹt tại các cảng nhập khẩu của Trung Quốc do các biện pháp ngăn chặn

dịch Covid-19 nghiêm ngặt của nước này.

Do đó, Thái Lan đang tìm cách đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và mở thêm các kênh hậu cần mới để xuất khẩu vào Trung Quốc.

Đầu tháng 5/2022, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản đã đến Thái Lan và cam kết sẽ thông suốt các thủ tục nhập khẩu để giúp măng cụt Thái Lan tiếp cận người tiêu dùng Nhật Bản dễ dàng hơn.

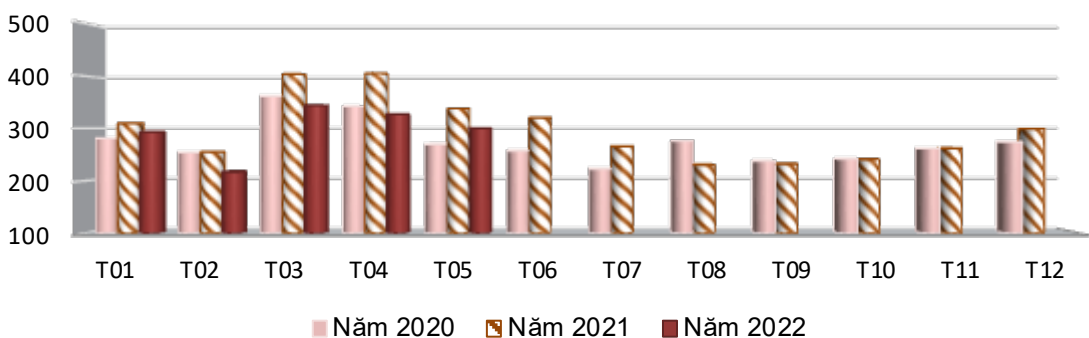
Bên cạnh đó, Sân bay Quốc tế Wuxu của Nam Ninh ở Khu tự trị Choang Quảng Tây, Nam Trung Quốc bắt đầu xử lý các lô hàng trái cây tươi nhập khẩu vào ngày 13/5/2022. Điều này đã mở ra tuyến hàng không Bangkok-Nam Ninh mới mà trái cây Thái Lan có thể vào Trung Quốc, với chuyến hàng đầu tiên gồm 20 tấn măng cụt Thái Lan đến Nam Ninh vào ngày 14/5/2022. Tuyến vận chuyển mới dự kiến sẽ có dịch vụ khứ hồi hàng ngày, với sức chở hàng tuần khoảng 260 tấn.

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Trị giá xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 5/2022 ước tính đạt 300 triệu USD, giảm 11% so với tháng 5/2021. Trong 5 tháng đầu năm

2022, trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam ước đạt 1,47 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2021.

**Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2020 - 2022 (ĐVT: triệu USD)**



Nguồn: Tổng cục Hải quan-ước tính tháng 5/2022

Trong cơ cấu chủng loại hàng rau quả xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2022, chủng loại quả và rau củ có trị giá xuất khẩu giảm mạnh. Trong đó, trị giá xuất khẩu chủng loại quả đạt 806,4 triệu USD, giảm 19,2% so với cùng kỳ năm 2021. Hầu hết các chủng loại quả xuất khẩu chính đều giảm, chỉ có chủng loại quả chuối tăng 46,5% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 184,9 triệu USD. Xuất khẩu chủng loại quả giảm mạnh là do xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh, bởi trị giá xuất khẩu sang thị trường này chiếm 71% tổng trị giá xuất khẩu chủng loại quả trong 4 tháng đầu năm 2022. Mặc dù phía Trung Quốc đã cho thông quan trở lại tại một số cửa khẩu, tuy nhiên hiệu suất thông quan tại các cửa khẩu rất chậm, chưa thực sự cải thiện nhiều. Cùng với đó, phía Trung Quốc vẫn kiểm soát chặt chẽ quy trình thông quan nhằm phòng

chống dịch bệnh, vì vậy hoạt động xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường này còn hạn chế.

Tiếp theo là chủng loại rau củ xuất khẩu đạt 79 triệu USD, giảm 22,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, hầu hết các chủng loại rau củ chính đều có trị giá xuất khẩu giảm mạnh. Chủng loại rau củ xuất khẩu chủ yếu tới một số thị trường chính trong 4 tháng đầu năm 2022 như: Nhật Bản, thị trường Đài Loan, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Trung Quốc.

Mặc dù chủng loại sản phẩm chế biến, hoa và lá có trị giá xuất khẩu tăng trong 4 tháng đầu năm 2022, tuy nhiên mức tăng của các chủng loại này thấp và trị giá chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ nên không bù đắp được mức giảm mạnh từ chủng loại quả và rau củ.

### Chủng loại hàng rau quả xuất khẩu trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					4T/2022	4T/2021
Quả	212.752	-28,5	806.408	-19,2	100,0	100,0
Thanh long	79.304	-36,4	307.489	-31,9	38,1	45,3
Chuối	47.322	-0,4	184.909	46,5	22,9	12,6
Xoài	16.989	-64,4	65.183	-60,0	8,1	16,3
Mít	20.510	-17,3	64.996	-15,2	8,1	7,7
Dừa	11.461	10,0	38.950	-9,7	4,8	4,3
Loại khác	37.166	-12,0	144.880	5,8	18,0	13,7
Sản phẩm chế biến	83.199	5,3	283.397	7,3	100,0	100,0
Dừa	8.123	-23,1	39.658	-3,5	14,0	15,6
Chanh leo	13.935	178,1	28.097	80,8	9,9	5,9
Trái cây	5.134	-38,5	23.069	-12,1	8,1	9,9

Chủng loại	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021(%)	Tỷ trọng (%)	
					4T/2022	4T/2021
Dứa	5.199	-15,3	20.130	22,2	7,1	6,2
Hạnh nhân	5.001	85,2	16.495	10,9	5,8	5,6
Loại khác	45.807	-0,9	155.949	4,0	55,0	56,8
Rau củ	25.593	-2,6	79.006	-22,1	100,0	100,0
Ớt	9.589	16,0	22.624	-26,5	28,6	30,4
Khoai lang	2.799	-27,9	10.324	-22,7	13,1	13,2
Cà rốt	1.171	-48,5	8.164	-42,8	10,3	14,1
Ngô	1.596	6,9	6.287	7,7	8,0	5,8
Nấm hương	799	-11,5	3.228	5,6	4,1	3,0
Loại khác	9.639	1,9	28.379	-16,7	35,9	33,6
Hoa	5.177	1,6	22.058	8,7	100,0	100,0
Hoa cúc	4.074	3,5	18.115	10,3	82,1	81,0
Hoa lan hồ điệp	489	26,4	1.856	26,6	8,4	7,2
Hoa cẩm chướng	204	-35,0	610	-25,7	2,8	4,0
Hoa cát tường	187	-27,2	565	-24,0	2,6	3,7
Ly	58	-47,5	387	-4,2	1,8	2,0
Loại khác	165	81,6	526	22,1	2,4	2,1
Lá	975	31,2	2.927	0,3	100,0	100,0
Lá sắn	185	-20,2	610	-5,9	20,8	22,2
Lá chuối	131	122,1	459	118,4	15,7	7,2
Lá tre	159	65,1	319	-30,1	10,9	15,7
Lá diếp	134	65,8	296	13,5	10,1	8,9
Lá khoai lang	139	174,5	281	2,0	9,6	9,5
Loại khác	227	1,1	962	-9,8	32,8	36,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan



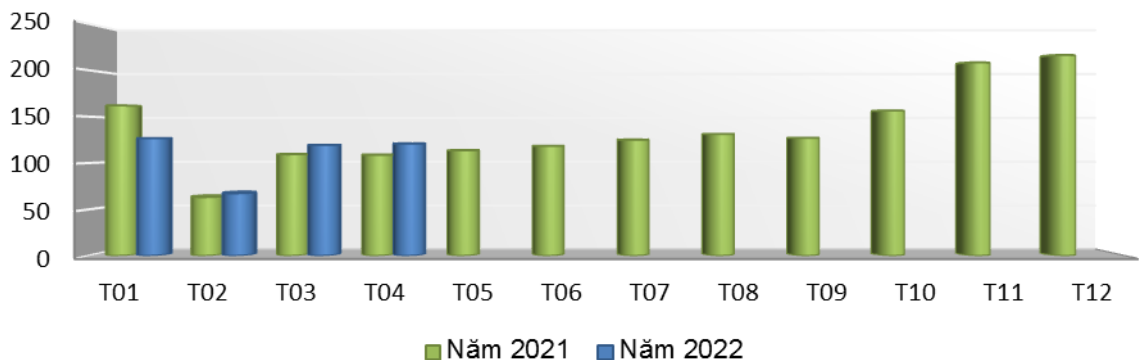


## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HÀNG RAU QUẢ CHẾ BIẾN (MÃ HS 20) CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trị giá nhập khẩu chủng loại hàng rau quả chế biến (mã HS 20) trong tháng 4/2022 đạt 121 triệu USD, tăng 11,2%

so với tháng 4/2021. Trong 4 tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu hàng rau quả chế biến của Trung Quốc đạt 434,7 triệu USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2021.

### Thị trường Trung Quốc nhập khẩu chủng loại hàng rau quả chế biến (mã HS 20) qua các tháng năm 2021 – 2022 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Về thị trường: Trong 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu hàng rau quả chế biến chủ yếu từ các thị trường: Hoa Kỳ, Bra-xin, Việt Nam và Thái Lan. Trị giá nhập khẩu từ 4 thị trường này chiếm 52% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả chế biến của Trung Quốc. Trong đó, Trung Quốc giảm mạnh nhập khẩu từ thị trường cung cấp lớn

nhất là Hoa Kỳ và tăng mạnh nhập khẩu từ 3 thị trường còn lại. Tốc độ tăng trưởng cao nhất trong nhập khẩu hàng rau quả chế biến là từ Bra-xin, đạt 58,4 triệu USD, tăng 37,2% so với cùng kỳ năm 2021; Tiếp theo là Thái Lan đạt 43,4 triệu USD, tăng 18,2%; Việt Nam đạt 55,5 triệu USD, tăng 12,8%.

**Thị trường cung cấp hàng rau quả chế biến (mã HS 20) cho Trung Quốc  
trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022**

Thị trường	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng 4 tháng (%)	
					Năm 2022	Năm 2021
Tổng	120.995	11,2	434.689	-2,0	100,0	100,0
Hoa Kỳ	16.737	38,2	68.658	-18,5	15,8	19,0
Bra-xin	13.951	4,1	58.367	37,2	13,4	9,6
Việt Nam	20.387	91,8	55.546	12,8	12,8	11,1
Thái Lan	13.415	49,8	43.413	18,2	10,0	8,3
Hàn Quốc	5.751	-42,4	31.579	-22,3	7,3	9,2
Căm-pu-chia	7.876	62,3	24.784	122,9	5,7	2,5
Tây Ban Nha	7.659	24,1	23.623	38,5	5,4	3,8
Phi-líp-pin	5.374	-22,1	18.011	-39,3	4,1	6,7
Thổ Nhĩ Kỳ	3.933	-37,9	17.061	-24,9	3,9	5,1
In-đô-nê-xi-a	2.445	33,5	8.794	30,7	2,0	1,5
Thị trường khác	23.467	-15,1	84.852	-17,5	19,5	23,2

*Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc*

Về chủng loại: Mã HS 2008 là chủng loại hàng rau quả chế biến Trung Quốc nhập khẩu nhiều nhất trong 4 tháng đầu năm 2022, đạt 184 triệu USD, giảm 24% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 42,3% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả chế biến. Hoa Kỳ và Việt Nam là 2 thị trường cung cấp lớn nhất chủng loại này cho Trung Quốc.

Tiếp theo là chủng loại mã HS 2009 chiếm 34,2% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả chế biến của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022, đạt 148,5 triệu USD, tăng 35% so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu mã HS 2009 từ các thị trường như: Bra-xin đạt 45,6 triệu USD, tăng 63,6%; Thái Lan đạt 19,3 triệu USD, tăng 128,1%; Tây Ban Nha đạt 16,4 triệu USD, tăng 48,3%; Việt Nam đạt 16,2 triệu USD, tăng 115,3% so với cùng kỳ năm 2021.



**Chủng loại sản phẩm rau quả chế biến nhập khẩu chính của Trung Quốc  
trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022**

Mã HS	Tên hàng	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng 4 tháng (%)	
						Năm 2022	Năm 2021
Tổng		120.995	11,2	434.689	-2,0	100,0	100,0
2008	Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	46.114	-3,7	183.971	-24,0	42,3	54,6
2009	Các loại nước ép trái cây (kể cả hèm nho) và nước rau ép, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường chất làm ngọt khác.	44.439	31,6	148.500	35,0	34,2	24,8
2006	Rau đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06.	12.695	53,8	39.712	78,2	9,1	5,0
2007	Mứt, thạch trái cây, mứt từ quả thuộc chi cam quýt, bột nghiền và bột nhão từ quả hoặc quả hạch, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác.	7.047	-7,5	24.120	-7,2	5,5	5,9
2004	Rau khác, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06.	4.489	-35,8	17.259	-26,7	4,0	5,3
Loại khác		6.210	45,2	21.126	7,8	4,9	4,4

*Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc*



# THỊ TRƯỜNG THỊT

- ▶ Ngày 29/5/2022, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao tháng 6/2022 ở mức 110,2 UScent/lb, giảm 0,8% so với cuối tháng 4/2022 và giảm 6% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Tại Trung Quốc, giá lợn hơi đã phục hồi sau thời gian dài lao dốc. Tuy nhiên thị trường vẫn phải đối mặt với những hạn chế, gồm cả các lệnh phong tỏa chống COVID-19.
- ▶ Trong tháng 5/2022, giá lợn hơi tại các vùng trên cả nước tăng nhẹ do nhu cầu tiêu thụ thịt và các sản phẩm từ thịt tăng.
- ▶ 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam xuất khẩu được 4,45 nghìn tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá 18,18 triệu USD, giảm 33,1% về lượng và giảm 24,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam nhập khẩu 182,7 nghìn tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 407,47 triệu USD, giảm 22,6% về lượng và giảm 12,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.



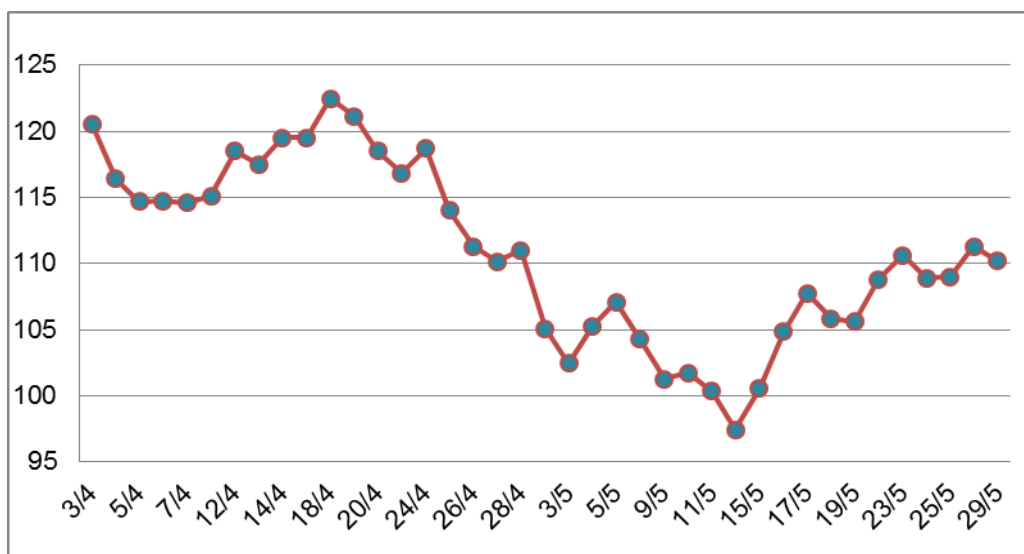
## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Đầu tháng 5/2022, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ có xu hướng giảm mạnh đến ngày 12/5/2022 (giảm xuống mức 97,4 UScent/lb). Sau đó, giá phục hồi trở lại cho tới cuối tháng 5/2022, tuy nhiên so với cuối tháng

4/2022 giá vẫn giảm nhẹ. Ngày 29/5/2022, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao tháng 6/2022 ở mức 110,2 UScent/lb, giảm 0,8% so với cuối tháng 4/2022 và giảm 6% so với cùng kỳ năm 2021.



## Diễn biến giá lợn nạc giao tháng 5/2022 tại Hoa Kỳ từ tháng 4/2022 đến nay (ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: *cmegroup.com*

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo nhu cầu thịt lợn của Hàn Quốc trong năm 2022 sẽ vẫn ổn định và có thể được cải thiện trong nửa cuối năm 2022, nhờ việc mở cửa trở lại lĩnh vực nhà hàng của nước này. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 tiếp tục tác động đến các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, nơi lượng thịt được tiêu thụ nhiều. Trong khi đó, sản lượng thịt lợn nội địa năm 2022 của Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng.

Tại Trung Quốc, giá lợn hơi đã phục hồi sau thời gian dài lao dốc. Tuy nhiên thị trường vẫn phải đối mặt với những hạn chế, gồm cả các lệnh phong tỏa chống COVID-19. Nhập khẩu cũng bị ảnh hưởng bởi hoạt động vận chuyển bị gián đoạn do lệnh phong tỏa kéo dài ở Thượng Hải. Nhu cầu đối với thịt lợn nhập khẩu đã sụt giảm từ đầu năm 2022 đến nay do người chăn nuôi lợn Trung Quốc gia tăng sản lượng sau thời gian dài bị ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi (ASF). Theo công ty môi giới Everbright Futures, triển vọng nhu cầu đối với thịt lợn của Trung Quốc vẫn khá ảm đạm vì các biện pháp phong tỏa chống COVID-19 và sự chuyển đổi tiêu thụ

sang thịt gia cầm.

Nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc sẽ vẫn yếu. Nếu thị trường cải thiện hơn trong quý III/2022, nhu cầu nhập khẩu thịt và ngũ cốc sẽ tăng lên. Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc trong năm nay được dự báo giảm gần 20% và đẩy thương mại toàn cầu xuống mức thấp hơn. Trong khi đó, nhu cầu của các nước nhập khẩu lớn khác có sự phục hồi sau thời gian gián đoạn nguồn cung cấp liên quan đến đại dịch.

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 4/2022, Trung Quốc nhập khẩu 592 nghìn tấn thịt (bao gồm cả nội tạng), trị giá 2,34 tỷ USD, giảm 0,3% về lượng và giảm 1,3% về trị giá so với tháng 3/2022; so với tháng 4/2021 giảm 35,7% về lượng và giảm 21% về trị giá. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 2,26 triệu tấn thịt, trị giá 8,78 tỷ USD, giảm 36,3% về lượng và giảm 22,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ, Ác-hen-ti-na và Đan Mạch.

Tháng 4/2022, Trung Quốc cũng nhập

khẩu 190 nghìn tấn thịt trâu, bò (mã HS 0201, 0202), với trị giá 1,25 tỷ USD, tăng 2% về lượng và tăng 39,2% về trị giá so với tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thịt bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh của Trung Quốc đạt 700 nghìn tấn, trị giá 4,5 tỷ USD, giảm 13,6% về lượng, nhưng tăng 19,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, U-ru-goay, Ác-hen-ti-na và Úc... Trong đó, Bra-xin là thị trường lớn nhất cung cấp thịt trâu, bò cho Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022, chiếm 30,1% trong tổng trị giá nhập khẩu thịt trâu, bò của Trung Quốc.

Thịt gia cầm: Tháng 4/2022, kim ngạch nhập khẩu thịt gia cầm (mã HS 0207) của Trung Quốc đạt 318,41 triệu USD, tăng 9,5% so với tháng 3/2022 và tăng 16,8% so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thịt gia cầm của Trung Quốc đạt 1,18 tỷ USD, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Nga, Thái Lan và Ác-hen-ti-na... Trong đó, Bra-xin là thị trường lớn nhất cung cấp thịt gia cầm cho Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022, chiếm 38,5% trong tổng trị giá nhập khẩu

thịt gia cầm của Trung Quốc, với 455,37 triệu USD, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Đáng chú ý, trong 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu thịt gia cầm từ Hoa Kỳ, Nga, Ác-hen-ti-na, Bê-la-rút...; trong khi giảm nhập khẩu từ Thái Lan.

Thịt lợn: Nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc liên tục giảm mạnh từ đầu năm 2022 đến nay. Tháng 4/2022, Trung Quốc nhập khẩu 140 nghìn tấn thịt lợn, trị giá 271,37 triệu USD, giảm 67,6% về lượng và 77,2% về trị giá so với tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 560 nghìn tấn thịt lợn, trị giá 1,1 tỷ USD, giảm 64,8% về lượng và giảm 75% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Tây Ban Nha, Bra-xin, Đan Mạch, Ca-na-da, Hà Lan, Pháp, Anh, Chi lê... Đáng chú ý, nhập khẩu thịt lợn từ các thị trường này đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Tây Ban Nha là thị trường cung cấp thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh lớn nhất cho Trung Quốc, chiếm 31,7% tổng trị giá nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc, với 268,36 triệu USD, giảm 75,8% so với cùng kỳ năm 2021.

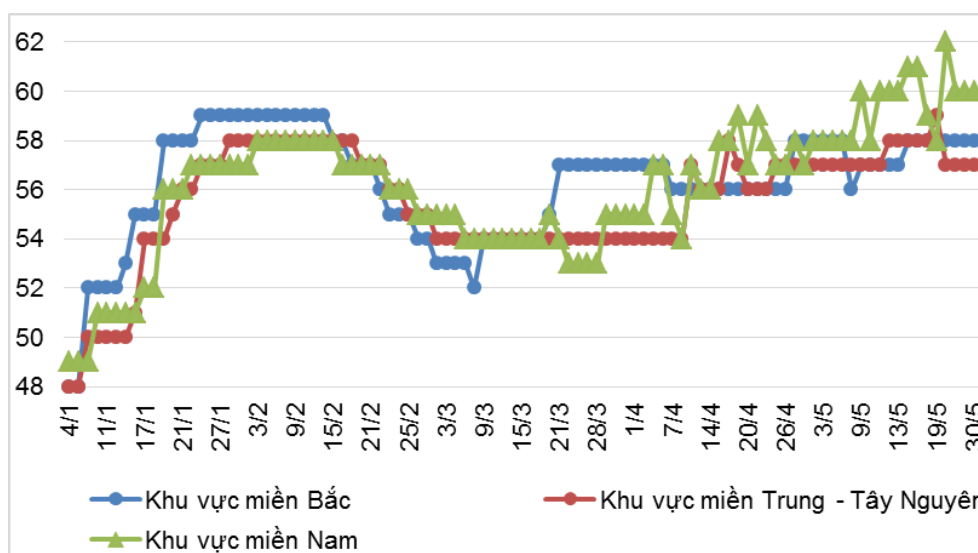


## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 5/2022, giá lợn hơi tại các vùng trên cả nước tăng nhẹ do nhu cầu tiêu thụ thịt và các sản phẩm từ thịt tăng trở lại nhờ các hoạt động du lịch, văn hóa và lễ hội, các nhà hàng, nhà ăn tại trường học và nhà máy mở cửa trở lại. Tại khu vực miền Bắc, hiện giá lợn hơi dao động từ 56.000-58.000 đồng/kg. Tại khu vực miền Trung và khu vực Tây Nguyên giá dao động từ 54.000-57.000

đồng/kg. Tại khu vực miền Nam giá lợn hơi dao động từ 54.000-60.000 đồng/kg. Giá tăng do nhu cầu được cải thiện, trong khi nguồn cung bị ảnh hưởng bởi giá thức ăn chăn nuôi tăng cao. Trong khi đó, tại một số tỉnh, thành phố ở miền Nam đang có dịch tả lợn châu Phi khiến việc chăn nuôi của người dân gặp khó khăn.

### Diễn biến giá lợn hơi tại miền Bắc, miền Trung – Tây Nguyên và miền Nam từ đầu năm 2022 đến nay (Đơn vị tính: nghìn đồng)



Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

Thời gian tới, giá lợn hơi dự báo sẽ dao động quanh mức 60.000 đồng/kg, do bất lợi của thời tiết, nhu cầu tiêu dùng mặt hàng thịt lợn giảm do nắng nóng. Ngoài ra, dịch COVID-19 đã thay đổi thói quen của người tiêu dùng, họ vẫn hạn chế với các hoạt động ăn uống ngoài gia đình nên lượng tiêu thụ thịt vẫn khó tăng nhanh.

Trong tháng 5/2022, đàn lợn và gia cầm cả nước phát triển ổn định, dịch bệnh lớn không xảy ra, nhưng tình hình chăn nuôi vẫn gặp khó khăn do giá thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng. Tổng đàn lợn của cả nước đến cuối

tháng 5/2022 ước tính tăng 5,7% so với năm 2021; tổng số trâu của cả nước giảm 1,5%; tổng số bò tăng 1,6%; đàn gia cầm tăng khoảng 1,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Về xuất khẩu: Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam xuất khẩu được 4,45 nghìn tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá 18,18 triệu USD, giảm 33,1% về lượng và giảm 24,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt giảm là do xuất khẩu sang một số thị trường chủ chốt như thị trường Hồng Kông, Trung Quốc,

Hàn Quốc... giảm so với cùng kỳ năm 2021.

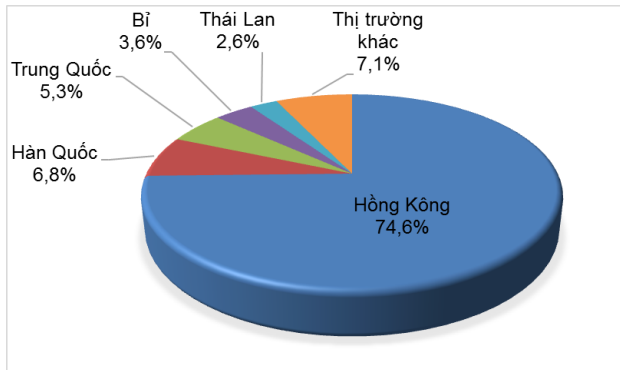
Trong 4 tháng đầu năm 2022, thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang 20 thị trường. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông là nhiều nhất, chiếm 53,6% tổng kim ngạch xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của cả nước. Trong 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thịt và các

sản phẩm thịt sang thị trường Hồng Kông đạt 1,77 nghìn tấn, trị giá 9,74 triệu USD, giảm 62% về lượng và giảm 45,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông chủ yếu là thịt lợn nguyên con đông lạnh, thịt lợn sữa đông lạnh nguyên con.

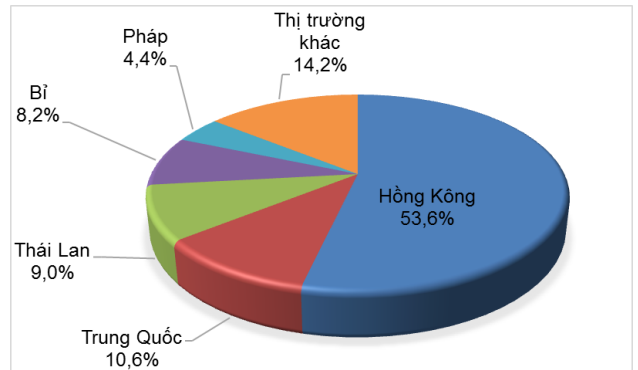
### Cơ cấu thị trường xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam

(ĐVT: % tính theo kim ngạch)

4 tháng đầu năm 2021



4 tháng đầu năm 2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam xuất khẩu chủ yếu trong 4 tháng đầu năm 2022 gồm các chủng loại như: Thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm thuộc nhóm 01.05, tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh... Trong đó, thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh được xuất khẩu nhiều nhất

với 2,18 nghìn tấn, trị giá 11,05 triệu USD, tăng 42,7% về lượng, nhưng giảm 3,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thịt lợn





tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh được xuất khẩu sang các thị trường Hồng Kông, Thái Lan và Lào.

Về nhập khẩu: Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam nhập khẩu 182,7 nghìn tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 407,47 triệu USD, giảm 22,6% về lượng và giảm 12,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt từ 44 thị trường trên thế giới. Trong đó, Ấn Độ là thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt lớn nhất cho Việt Nam, chiếm 28,5% tổng lượng thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu của cả nước, với 52,11 nghìn tấn, trị giá 159,7 triệu USD, tăng 14,3% về lượng và tăng 9,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

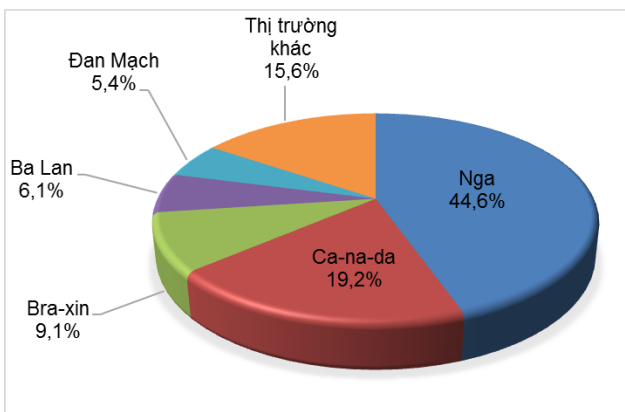
Mặc dù nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2021, nhưng Việt Nam vẫn đẩy mạnh nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt từ một số thị trường như: Ấn Độ, Bra-xin, Hàn Quốc, Đức, Tây Ban Nha...; trong khi giảm nhập khẩu từ một số thị trường như: Hoa Kỳ, Nga, Ca-na-đa, Úc...

Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05 tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; thịt trâu tươi đông lạnh; thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt bò tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt gia cầm, thịt lợn và thịt bò giảm so với cùng kỳ năm 2021; trong khi nhập khẩu thịt trâu tăng so với cùng kỳ năm 2021.

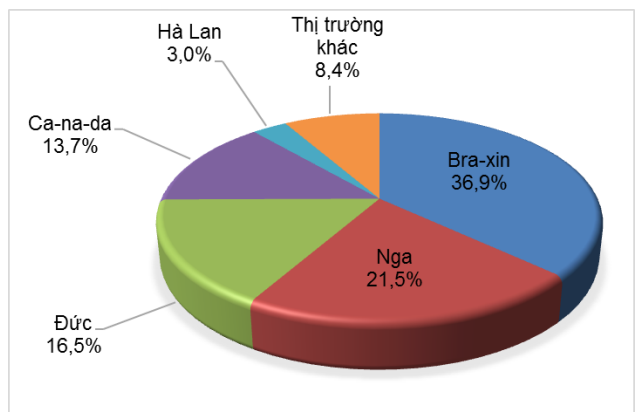
Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam nhập khẩu 29,6 nghìn tấn thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh, với trị giá 63,6 triệu USD, giảm 39,4% về lượng và giảm 43,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá nhập khẩu trung bình đạt 2,15 USD/kg, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu thịt lợn liên tục giảm do tiêu thụ thịt lợn trong nước chậm, trong khi sản lượng lợn liên tục phục hồi. Thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh được nhập khẩu từ 24 thị trường, trong đó chủ yếu được nhập khẩu từ Bra-xin chiếm 36,9%; Nga chiếm 21,5% và Đức chiếm 16,5%...

**Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (mã HS: 0203) cho Việt Nam (ĐVT: % tính theo lượng)**

**4 tháng đầu năm 2021**



**4 tháng đầu năm 2022**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

# THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Doanh thu tiêu thụ thủy sản tươi sống của Hoa Kỳ tháng 4/2022 đạt 493 triệu USD, giảm 11,8% so với tháng 4/2021 do người tiêu dùng lo ngại về lạm phát. Trong khi đó, doanh thu thủy sản đông lạnh tăng 2,8% và thủy sản đóng hộp tăng 9,6% so với tháng 4/2021.
- ▶ Giá cá ngừ vẫn nguyên liệu thô giao cho các nhà máy chế biến tại Thái Lan giảm, trong khi tại Ê-cu-a-đo vẫn ổn định.
- ▶ Theo ước tính, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 5/2022 đạt 230 nghìn tấn, trị giá 1,14 tỷ USD, mức cao nhất tính theo tháng kể từ trước đến nay, tăng 26,65% về lượng và tăng 44,23% về trị giá so với tháng 5/2021.
- ▶ Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc giảm từ 9,8% trong 4 tháng đầu năm 2021 xuống còn 8,8% trong 4 tháng đầu năm 2022.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Hoa Kỳ: Doanh thu tiêu thụ thủy sản tươi sống của Hoa Kỳ tháng 4/2022 đạt 493 triệu USD, giảm 11,8% so với tháng 4/2021 do người tiêu dùng lo ngại về lạm phát. Trong khi đó, doanh thu thủy sản đông lạnh tăng 2,8% và thủy sản đóng hộp tăng 9,6% so với tháng 4/2021.

Mặc dù doanh thu cao hơn mức trước Covid-19, nhưng khối lượng hàng tiêu thụ đang thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019, đặc biệt là với các mặt hàng thủy sản có vỏ giảm 11,6% so với tháng 4/2019.

Trong khi đó, mặc dù giá thủy sản đông lạnh cũng tăng, nhưng tiêu thụ nhóm sản phẩm này vẫn tăng 2,8% so với tháng 4/2021. Trong đó, doanh thu cá đông lạnh tăng 7,9% và tôm đông lạnh chưa qua chế biến tăng 3,2%. Tuy nhiên, doanh thu tiêu thụ các mặt hàng thủy sản đông lạnh đã qua chế biến giảm 6,2%. Doanh thu thủy sản đóng hộp

tăng 9,6%, lên mức 223 triệu USD và tăng 6,5% về khối lượng.

Thủy sản đông lạnh và đóng hộp có lợi thế so với thủy sản tươi sống trong thời kỳ lạm phát tăng cao như hiện nay do thời gian sử dụng lâu dài hơn và nhiều người tiêu dùng nghĩ rằng thủy sản đông lạnh rẻ hơn thủy sản tươi sống.



- Thái Lan: Giá cá ngừ vẫn nguyên liệu thô giao cho các nhà máy chế biến tại Thái Lan giảm, trong khi tại Ê-cu-a-đo vẫn ổn định. Giá CFR cá ngừ vẫn giao tại Băng Cốc, Thái Lan trong tháng 5/2022 đã giảm khoảng 100 USD/tấn so với tháng 4/2022, xuống còn 1.800 USD/tấn.

Giá cá ngừ vẫn giao tại tàu (Ex-vessel) tại Manta, trung tâm chế biến chính tại Ê-cu-a-đo, ổn định ở mức 1.800 – 1.850 USD/tấn.

Giá cá ngừ vẫn tại Thái Lan giảm do sản

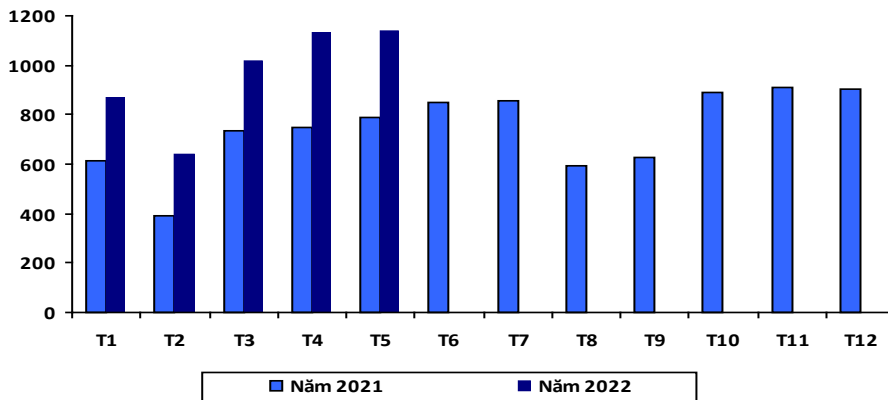
lượng đánh bắt tại khu vực Tây Thái Bình Dương đang ở mức tốt, nên lượng cá ngừ cập cảng Băng Cốc cao. Tuy nhiên, với lệnh cấm đánh bắt bằng thiết bị dẫn dụ cá (FADs) sắp có hiệu lực vào đầu tháng 7/2022 và chi phí đầu vào tăng quá nhiều, giá cá ngừ nhiều khả năng sẽ tăng. Hiện các tàu tại khu vực Đông Nhiệt đới Thái Bình Dương còn 2 tháng để hoạt động cho tới khi lệnh cấm “veda” đầu tiên có hiệu lực. Một nửa đội tàu sẽ tạm ngưng hoạt động trong thời gian áp dụng lệnh cấm đầu tiên này.

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 5/2022 đạt 230 nghìn tấn, trị giá 1,14 tỷ USD, tăng 26,65% về lượng và tăng 44,23% về trị giá so với tháng 5/2021, mức cao nhất tính theo tháng kể từ trước

đến nay. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 987,3 nghìn tấn, trị giá 4,790 tỷ USD, tăng 22,83% về lượng và tăng 46,18% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

**Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2021 – 2022**  
(ĐVT: Triệu USD).



Nguồn: Tổng cục Hải quan; ước tính tháng 5/2022

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản tháng 4/2022 đạt 227,8 nghìn tấn, trị giá 1,13 tỷ USD, tăng 24,1% về lượng và tăng 50,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 757,3 nghìn tấn, trị giá 3,65 tỷ USD, tăng 21,72% về lượng và tăng 46,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản như tôm, cá ngừ, cá tra, mực, bạch tuộc và nghêu... đều tăng so với cùng kỳ năm 2021, trừ xuất khẩu chả cá giảm về lượng, nhưng tăng nhẹ về trị giá; cá khô và cá đóng hộp giảm.

## Mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 4 và 4 tháng năm 2022

Mặt hàng	Tháng 4/2022		So với tháng 4/2021 (%)		4 tháng năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	227.878	1.130.214	24,1	50,6	757.337	3.649.926	21,7	46,8
Tôm các loại	43.062	436.046	28,3	45,8	138.366	1.381.244	28,4	44,1
Cá tra, basa	104.937	310.195	45,1	114,0	337.081	963.832	35,5	96,0
Cá ngừ các loại	15.958	108.511	-1,5	46,6	60.252	366.830	19,0	62,6
Cá đông lạnh	21.050	104.907	20,5	28,1	66.311	328.187	9,3	15,7
Chả cá	15.147	34.951	-15,8	-8,6	53.712	123.769	-6,9	0,5
Mực các loại	6.365	32.728	64,3	49,7	21.880	117.431	54,7	42,5
Bạch tuộc các loại	3.077	23.231	-18,0	-10,7	12.216	92.038	4,0	13,9
Cá khô	5.420	22.236	-3,4	2,8	21.932	82.882	-15,2	-3,7
Cua các loại	704	9.366	14,9	45,3	3.214	38.577	15,8	47,9
Nghêu các loại	3.750	9.318	5,7	21,0	12.466	30.044	13,4	30,0
Ghẹ các loại	486	7.011	57,7	48,8	2.251	27.921	20,6	53,2
Cá đóng hộp	1.246	4.330	-54,8	-46,7	6.937	20.415	-36,3	-30,5
Trứng cá	328	5.749	155,3	182,7	1.022	16.939	49,6	55,9
Mắm	632	1.739	-70,7	-32,2	4.405	10.227	-29,7	16,7
Cá sống	904	1.598	746,9	521,5	4.271	7.529	34,9	39,7
Sò các loại	124	1.251	-48,9	-44,5	719	6.773	-4,0	7,4
Ruốc	1.622	2.020	38,4	57,7	4.126	5.949	36,9	44,3
Ốc các loại	268	1.423	-6,8	12,0	874	3.733	-7,8	-1,1
Thủy sản làm cảnh	29	731	6,0	-4,4	169	2.969	45,1	4,7
Hàu	236	539	950,0	648,2	1.217	2.605	194,8	182,3
Bong bóng cá	19	785	-35,8	98,9	51	2.109	-65,2	18,8
Mặt hàng khác	2.512	11.551	74,7	130,5	3.867	17.923	30,1	36,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀN QUỐC 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc, tháng 4/2022, nhập khẩu thủy sản của nước này đạt 162,2 nghìn tấn, trị giá 605,1 triệu USD, tăng 37,5% về lượng và tăng 33,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc đạt 562,45 nghìn tấn, trị giá 2,2 tỷ USD, tăng 15,3% về lượng và tăng 22,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Đáng chú ý, với mức tăng trưởng cao, Nga đã vượt Trung Quốc trở thành thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho Hàn Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022, đạt 216,3 nghìn tấn, trị giá 536,1 triệu USD, tăng 81% về lượng và tăng 66,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, đạt 49,3 nghìn tấn, trị giá 274,45 triệu USD, tăng 2,7% về lượng và tăng 16,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc giảm từ 9,8% trong 4 tháng đầu năm 2021 xuống còn 8,8% trong 4 tháng đầu năm 2022.

Dự báo, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng do nhu cầu tiêu dùng thủy sản ở thị trường này tăng. Theo ước tính của Viện Kinh tế Nông thôn Hàn Quốc (KREI), tiêu thụ thủy sản (bao gồm cá và thủy sản có vỏ) bình quân đầu người của Hàn Quốc năm 2021 đạt 40,6 kg/người, tăng 0,7 kg/người so với năm 2020.

### Thị trường cung cấp thủy sản cho Hàn Quốc 4 tháng năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022		So với tháng 4/2021 (%)		4 tháng năm 2022		So với 4 tháng năm 2021 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	4 tháng năm 2022	4 tháng năm 2021
Tổng	162.195	605.135	37,5	33,8	562.452	2.213.571	15,3	22,8		
Nga	72.552	173.976	156,1	122,5	216.344	536.105	81,0	66,5	38,5	24,5
Trung Quốc	31.110	99.334	0,3	4,2	124.252	400.591	-5,1	4,4	22,1	26,8
Việt Nam	14.014	74.044	6,4	12,8	49.284	274.451	2,7	16,3	8,8	9,8
Na-uy	8.679	57.628	-7,7	11,3	36.449	234.057	-13,7	14,1	6,5	8,7
Hoa Kỳ	5.544	21.280	-31,8	-8,9	18.020	61.908	-30,8	-11,1	3,2	5,3
Pê ru	5.319	19.325	13,9	42,5	18.086	62.215	-15,7	11,8	3,2	4,4
Hồng Kông	1	17.647	800,0	2.802,5	5	102.730	32,4	231,5	0,0	0,0
Thái Lan	2.025	14.511	-4,0	-17,9	6.962	51.720	2,4	-10,5	1,2	1,4
Đài Loan	1.732	14.025	31,1	48,7	10.614	46.691	-26,8	-8,5	1,9	3,0
Thổ Nhĩ Kỳ	584	13.391	40,1	86,4	873	15.842	-19,8	31,4	0,2	0,2
Nhật Bản	2.394	12.648	33,9	35,6	9.423	55.868	11,4	18,5	1,7	1,7
Pháp	411	9.693	194,1	202,1	1.149	28.452	50,4	62,1	0,2	0,2
Ca-na-da	749	9.269	82,9	45,0	2.193	37.181	0,3	17,6	0,4	0,4
Chile	1.480	8.158	-14,8	144,8	4.264	24.930	23,9	168,7	0,8	0,7
Ê-cu-a-đô	947	5.594	-20,1	-14,2	3.802	24.366	-13,0	-2,0	0,7	0,9
Thị trường khác	14.654	54.612	3,7	-10,1	60.732	256.464	4,7	3,3	10,8	11,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc

# THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 7,3 tỷ USD, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam giảm trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản.
- ▶ 5 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước tính đạt 7,15 tỷ USD, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2021.

## THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ

Trung Quốc: Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong tháng 4/2022 trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 1,98 tỷ USD, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu mặt hàng này của Trung Quốc đạt 7,3 tỷ USD, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc xuất khẩu chủ yếu tới một số thị trường chính trong 4 tháng đầu năm 2022 gồm: Hoa Kỳ đạt 2,4 triệu USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2021; Úc đạt 496,2 triệu USD, tăng 7%; Nhật Bản đạt 477 triệu USD, tăng 1%; Anh đạt 445,5 triệu USD, giảm 13,5%...

Trung Quốc xuất khẩu nhiều nhất là mặt hàng ghế khung gỗ (mã HS 940161 + 940169) đạt 3,05 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 41,5% tổng trị giá xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ; tiếp theo là đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (mã HS 940360) đạt 2,75 tỷ USD, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 37,5% tổng trị giá

xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ.

Trong 4 tháng đầu năm 2022, chỉ có mặt hàng đồ nội thất nhà bếp (mã HS 940340) xuất khẩu là có trị giá tăng, đạt 291,1 triệu USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2021, nhưng chỉ chiếm 4% tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ.

Theo nhận định của các nhà kinh tế tại Trung Quốc, xuất khẩu hàng hóa của nước này có thể gặp trở ngại trong vài tháng tới do đại dịch và các biện pháp phòng, chống Covid-19 nghiêm ngặt, nhu cầu bên ngoài giảm và mất đơn đặt hàng cho các khu vực khác.

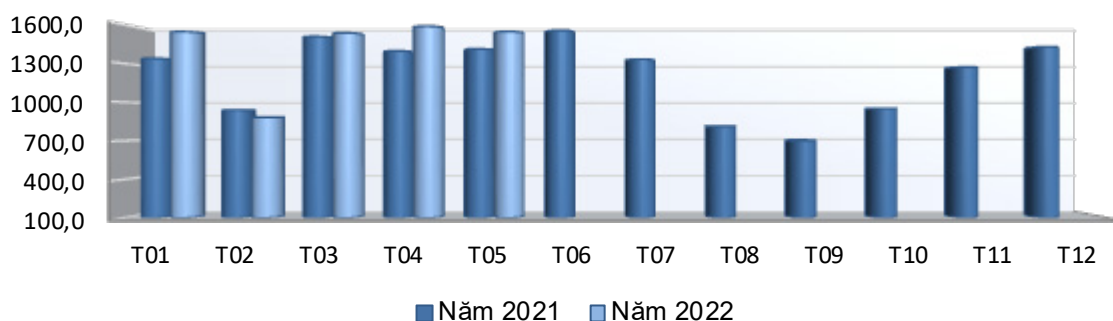


## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo ước tính, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 5/2022 đạt 1,55 tỷ USD, tăng 7,9% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước tính đạt 7,15 tỷ USD, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tháng 5/2022, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 1,02 tỷ USD, giảm 8,9% so với tháng 5/2021. Trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 5,2 tỷ USD, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021

**Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ qua các tháng năm 2021 – 2022**  
(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan; ước tính tháng 5/2022

Trong 4 tháng đầu năm 2022, tỷ trọng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ chiếm 67,8% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, giảm 2,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ trọng xuất khẩu giảm là do các mặt hàng chính chiếm tỷ trọng cao như ghế khung gỗ, đồ nội thất phòng khách và phòng ăn xuất khẩu giảm. Đáng chú ý, trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, mặt hàng đồ nội thất nhà bếp ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao trong 4 tháng đầu năm 2022, đạt 447,9 triệu USD, tăng 53,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng này thấp nên không bù đắp được mức giảm từ các mặt hàng chính, chỉ chiếm 8% trong tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, chiếm 11,8% trong tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ.

Trị giá xuất khẩu tăng trưởng tốt trong 4 tháng đầu năm 2022 có phần đóng góp của nhóm mặt hàng như: Gỗ, ván và ván sàn, dăm gỗ, cửa gỗ, đồ gỗ mỹ nghệ có trị



giá xuất khẩu tăng trưởng khá. Trong đó, gỗ, ván và ván sàn xuất khẩu đạt 700,2 triệu USD, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm 2021; dăm gỗ đạt 677,8 triệu USD, tăng 7,2%; cửa gỗ đạt 16,7 triệu USD, tăng 28,7%...

## Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Mặt hàng	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng 4 tháng (%)	
					Năm 2022	Năm 2021
Tổng	1.589.925	12,0	5.595.069	6,7	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	1.053.428	7,4	3.794.026	3,0	67,8	70,2
Ghế khung gỗ	298.380	-13,8	1.230.407	-4,5	22,0	24,6
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	300.503	0,3	1.119.194	-2,3	20,0	21,8
Đồ nội thất phòng ngủ	286.616	36,0	870.379	10,7	15,6	15,0
Đồ nội thất nhà bếp	136.521	73,0	447.870	53,5	8,0	5,6
Đồ nội thất văn phòng	31.408	-31,4	126.175	-26,1	2,3	3,3
Gỗ, ván và ván sàn	200.434	31,1	700.225	26,5	12,5	10,6
Dăm gỗ	218.607	16,2	677.806	7,2	12,1	12,1
Cửa gỗ	5.500	40,0	16.695	28,7	0,3	0,2
Đồ gỗ mỹ nghệ	2.683	2,7	10.476	19,1	0,2	0,2
Loại khác	109.273	20,1	395.840	11,7	7,1	6,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA NHẬT BẢN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

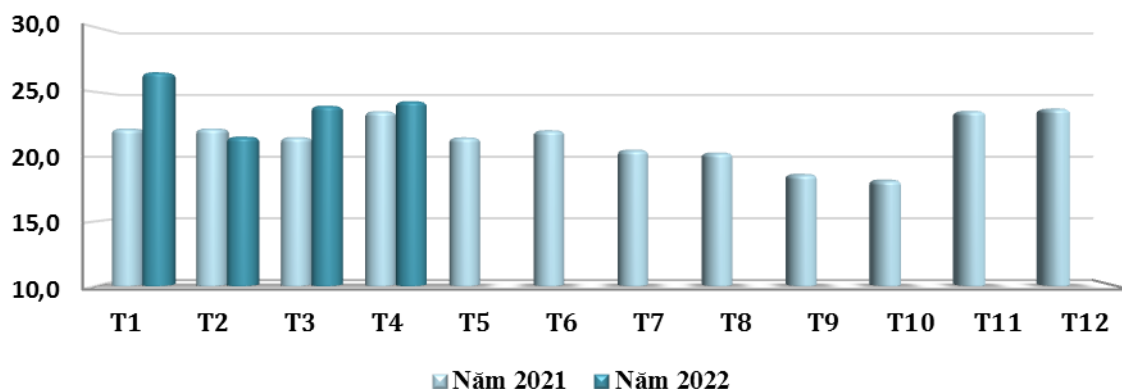
Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản trong 4 tháng năm 2022 đạt 264,8 nghìn tấn, trị giá 96,4 tỷ Yên (tương đương 756,8 triệu USD), giảm 9,1% về lượng nhưng tăng 7,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản tăng là do giá thành sản phẩm tăng, bởi tác động từ xung đột giữa Nga và U-crai-na, khiến chi phí nguyên liệu đầu vào, vận chuyển tăng tại các thị trường cung cấp đồ nội thất cho Nhật Bản.

Nhu cầu nhập khẩu và tiêu thụ đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản dự kiến tăng trưởng khả quan trong thời gian tới, nhờ

nhu cầu chuẩn bị sửa sang thay thế các sản phẩm nội thất trong nhà hàng, khách sạn... tăng mạnh do việc dự kiến mở cửa du lịch theo nhóm nhỏ vào cuối tháng 5/2022, trước khi mở cửa hoàn toàn. Bên cạnh đó, thị trường nhà ở tại Nhật Bản trong 3 tháng đầu năm 2022 tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021; trong tháng 5/2022, chỉ số tiêu dùng cá nhân trong khởi sắc, tiêu dùng cá nhân nhiều khả năng sẽ tiếp tục phục hồi, đặc biệt khi người dân có thể tự do đi lại sau khi các quy định phòng dịch được dỡ bỏ vào hoàn toàn; tỷ lệ thất nghiệp giảm, nhu cầu tuyển dụng trong các lĩnh vực sản xuất, nhà hàng... ngày càng tăng



## Nhật Bản nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ qua các tháng năm 2021 - 2022 (ĐVT: Tỷ Yên)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Nhật Bản nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất từ thị trường Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022, đạt 119,1 nghìn tấn, trị giá 45,6 tỷ Yên (tương đương 358 triệu USD), giảm 8,9% về lượng nhưng tăng 7,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 45% tổng lượng đồ nội thất bằng gỗ nhập khẩu của Nhật Bản. Tiếp theo, Nhật Bản

nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ thị trường Việt Nam đạt 67 nghìn tấn, trị giá 23,1 tỷ Yên (tương đương 181,4 triệu USD), giảm 11,6% về lượng và tăng 7,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 25,3% tổng lượng nhập khẩu, giảm 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021.

### Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Nhật Bản 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	4 tháng năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		Tỷ trọng theo lượng 4 tháng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2020
Tổng	264.847	96.395.504	756.797	-9,1	7,8	100,0	100,0
Trung Quốc	119.078	45.594.289	357.959	-8,9	7,5	45,0	44,9
Việt Nam	67.020	23.111.514	181.448	-11,6	7,8	25,3	26,0
Ma-lai-xi-a	35.641	6.349.675	49.851	-0,8	19,2	13,5	12,3
Thái Lan	15.855	3.700.819	29.055	-5,5	8,1	6,0	5,8
In-đô-nê-xi-a	12.378	4.168.183	32.724	-15,4	7,4	4,7	5,0
Phi-líp-pin	5.713	4.655.529	36.550	3,6	10,1	2,2	1,9
Đài Loan	4.056	1.765.704	13.862	-37,2	-23,9	1,5	2,2
Ba Lan	1.185	414.821	3.257	8,1	15,1	0,4	0,4
Ý	702	1.783.182	14.000	-16,6	0,6	0,3	0,3
Lít-va	671	190.137	1.493	16,7	28,2	0,3	0,2
Thị trường khác	2.548	4.661.651	36.598	-12,9	12,8	1,0	1,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản; Tỷ giá 1 USD= 127,373 Yên

Nhật Bản nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn với lượng chiếm 58,2% tổng lượng đồ nội thất bằng gỗ nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2022, đạt 154,2 nghìn tấn, trị giá 48,6 tỷ Yên (tương đương 381,3 triệu USD), giảm 10,6% về lượng nhưng tăng 6,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tiếp theo là mặt hàng ghế khung gỗ Nhật Bản nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 46,5 nghìn tấn, trị giá 11,2 tỷ Yên (tương đương 87,7 triệu USD), giảm 4% về lượng, nhưng tăng 12,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Đáng chú ý, trong 4 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu đồ nội thất văn phòng của Nhật Bản giảm cả về lượng và trị giá, đạt 3,6 nghìn tấn, trị giá 1 tỷ Yên (tương đương 8,1 triệu USD),

giảm 12,3% về lượng và giảm 8,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.



### Mặt hàng nội thất bằng gỗ Nhật Bản nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2022

Mã HS	Tên hàng	4 tháng năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		Tỷ trọng theo lượng 4 tháng (%)	
		Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2020
Tổng		264.847	96.395.504	756.797	-9,1	7,8	100,0	100,0
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	154.216	48.567.930	381.305	-10,6	6,1	58,2	59,2
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	46.505	29.205.549	229.292	-7,8	10,0	17,6	17,3
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	44.416	11.170.611	87.700	-4,0	12,7	16,8	15,9
940340	Đồ nội thất nhà bếp	16.117	6.420.663	50.408	-10,5	5,8	6,1	6,2
940330	Đồ nội thất văn phòng	3.593	1.030.751	8.092	-12,3	-8,7	1,4	1,4

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản; Tỷ giá 1 USD= 127,373 Yên

## HOA KỲ ĐIỀU TRA CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI VỚI TỦ GỖ NHẬP KHẨU TỪ VIỆT NAM

Theo Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương), Hoa Kỳ đang khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.

Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã thông báo cho cơ quan chức năng Việt Nam về việc nhận đơn đề nghị điều tra nghi vấn chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại với sản phẩm tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam và Ma-lai-xi-a.

Theo đó, sản phẩm bị đề nghị điều tra chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại là tủ gỗ có mã HS 9403.40.9060, 9403.60.8081, 8403.90.7080. Phía nguyên đơn là American Kitchen Cabinet Alliance - đại diện cho một số doanh nghiệp sản xuất tủ gỗ của Hoa Kỳ.

Tháng 2/2020, Hoa Kỳ ban hành lệnh áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp với cùng loại sản phẩm trên có xuất xứ từ Trung Quốc. Từ đó, xuất khẩu các sản phẩm này từ Trung Quốc vào Hoa Kỳ giảm tới 54% (từ 2,5 tỷ USD xuống còn 1,6 tỷ USD). Cụ thể, trong Lệnh áp thuế với Trung Quốc, DOC quy định tủ gỗ và các bộ phận thuộc phạm vi áp dụng của biện pháp, nếu được gia công thêm ở nước thứ ba, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công đoạn sau: bào, cắt, đục rãnh, đột lỗ, khoan, sơn, tạo màu, hoàn tất hoặc các công đoạn khác, vẫn nằm trong phạm vi áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp.

Theo quy định của Hoa Kỳ, các bên có

liên quan có thời hạn 30 ngày kể từ ngày khởi xướng để nộp bản bình luận và cung cấp thông tin phản biện tới cơ quan điều tra Hoa Kỳ.

Dự kiến, DOC sẽ đưa ra kết luận cuối cùng trong vòng 120 ngày kể từ ngày khởi xướng (có thể gia hạn thêm 180 ngày nếu có lý do hợp lý). Do đó, trong quá trình điều tra, DOC có thể yêu cầu các bên liên quan cung cấp thông tin phục vụ cho việc xem xét.

Như vậy, trong số 2 nội dung đại diện một số doanh nghiệp sản xuất tủ gỗ của Hoa Kỳ đề nghị DOC điều tra, DOC đã chấp nhận khởi xướng điều tra 1 nội dung là vấn đề xem xét phạm vi sản phẩm. Nội dung còn lại là điều tra lẩn tránh thuế, DOC vẫn đang tiếp tục cân nhắc việc khởi xướng điều tra và dự kiến kéo dài đến ngày 6 tháng 6 năm 2022.

Để đảm bảo lợi ích chính đáng, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị Hiệp hội và các doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu sản phẩm tủ gỗ tiếp tục rà soát các hoạt động xuất khẩu các sản phẩm bị điều tra sang Hoa Kỳ.

Cùng với đó, doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu nghiên cứu, tìm hiểu quy định, trình tự thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế của Hoa Kỳ; thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu của cơ quan điều tra Hoa Kỳ, phối hợp chặt chẽ với Cục Phòng vệ thương mại trong suốt quá trình của vụ việc.

# HOA KỲ GIA HẠN THỜI GIẠN KẾT LUẬN ĐIỀU TRA CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ VÀ CHỐNG TRỢ CẤP ĐỐI VỚI GỠ DÁN CỨNG TỪ VIỆT NAM

Bộ Thương mại Hoa Kỳ dự kiến ban hành kết luận cuối cùng vào ngày 17 tháng 10 năm 2022 thay vì ngày 20 tháng 4 năm 2022 như thông báo trước đây. Đây là lần gia hạn thứ ba của Bộ Thương mại Hoa Kỳ đối với nội dung này.

Vụ việc trên được Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng điều tra vào ngày 17 tháng 6 năm 2020 trên cơ sở đề nghị của Cơ quan Hải quan Hoa Kỳ (CBP) với 2 nội dung, gồm:

Điều tra về phạm vi sản phẩm (scope inquiry): Để xác định gỗ dán cứng nhập khẩu từ Việt Nam vào Hoa Kỳ có thuộc phạm vi sản phẩm bị áp thuế hay không, Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ xem xét 5 yếu tố trong quá trình sản xuất gỗ dán cứng của các nhà xuất khẩu, bao gồm: Mức độ đầu tư của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu; mức độ đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm; quá trình sản xuất tại Việt Nam; quy mô của các cơ sở sản xuất tại Việt Nam; phần giá trị gia tăng của sản phẩm được thực hiện ở Việt Nam.

Điều tra lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (anticircumvention): Mục tiêu điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ là để đảm bảo hiệu lực thực thi các biện pháp phòng vệ thương mại đang áp dụng với gỗ dán cứng của Trung Quốc. Do đó, trong trường hợp các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam chứng minh được mình không

lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà Hoa Kỳ đang áp dụng đối với Trung Quốc sẽ không bị áp dụng thuế chống lẩn tránh.

Trong thời gian vừa qua, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan đã phối hợp trả lời các bản câu hỏi do Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra để xác minh làm rõ vụ việc, đồng thời cũng có các hình thức trao đổi, đối thoại để phía Hoa Kỳ hiểu rõ về ngành sản xuất, chế biến gỗ của Việt Nam. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cũng đã hợp tác với Bộ Thương mại Hoa Kỳ để chứng minh hoạt động sản xuất, xuất khẩu của mình không nhằm lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ.

Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị, để đảm bảo lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu sản phẩm gỗ dán cứng sang Hoa Kỳ các doanh nghiệp cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến vụ việc, thường xuyên cập nhật thông tin từ Bộ Thương mại Hoa Kỳ, Cục Phòng vệ thương mại và đối tác nhập khẩu tại Hoa Kỳ; Hợp tác đầy đủ với Bộ Thương mại Hoa Kỳ trong quá trình điều tra; Liên hệ với Cục Phòng vệ thương mại để nhận được sự hỗ trợ kịp thời.

Đồng thời, Bộ Công Thương cũng sẽ tiếp tục theo dõi sát vụ việc, phối hợp với các bên liên quan làm việc với các cơ quan của Hoa Kỳ nhằm đảm bảo vụ việc được điều tra một cách khách quan, công bằng với các doanh nghiệp của Việt Nam.

## Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.